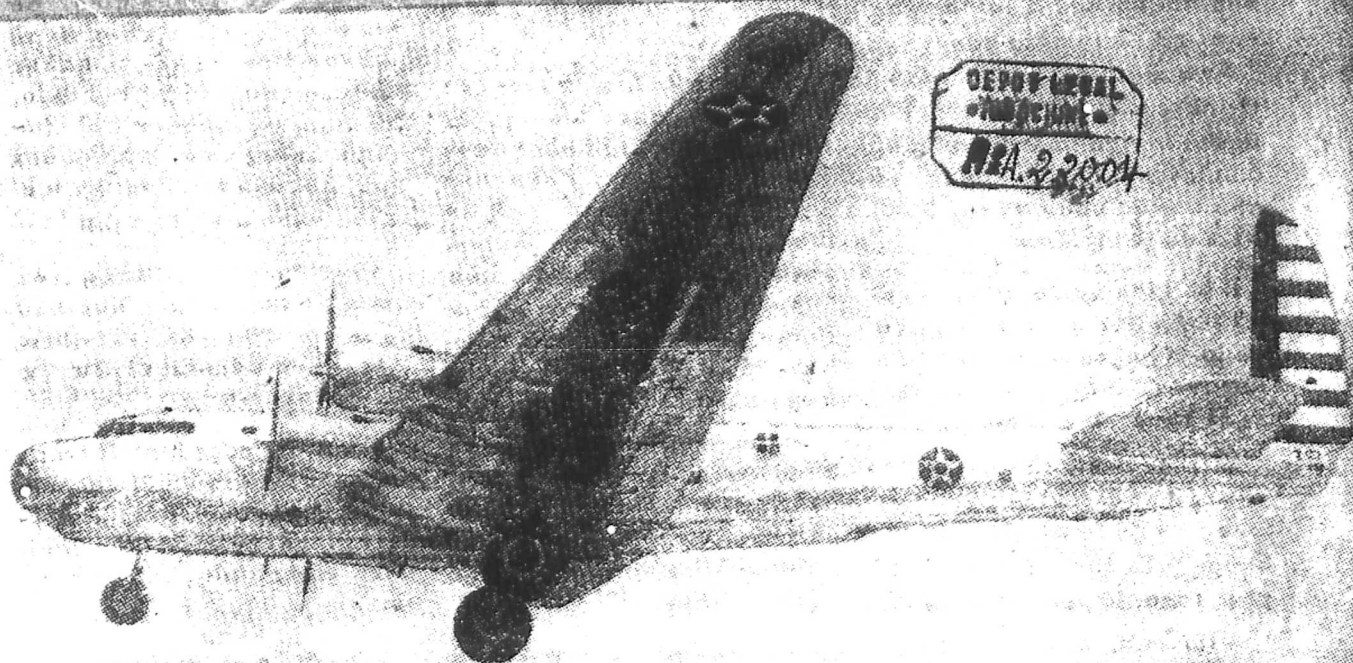


Trang-Bác

Chủ-nhật

NGUYỄN ĐOÀN-VLÔNG CHỦ-TRƯỞNG



« PHÁO-ĐÀI BAY DOUGLAS B. 19 »

« Pháo-đài bay » chẳng qua chỉ là một kiểu phi-cơ phòng-pháo hạng nặng xếp ở phi-cơ phòng-pháo hạng nặng kiểu Farman 203 của Pháp, kiểu Dornier 16 của Đức, đã được người Mỹ vận thảo vẽ khoa quảng cáo đặt cho cái tên là « Pháo-đài bay », để làm cho thế giới phải chú ý chứ chẳng có gì là lạ.

Tuân-lễ Đồng-Dương

— Hôm 1^{er} Octobre 1943 hai toán phi-cơ Mỹ đã tới ném bom xuống thành-phố Hải-phong

Tất cả có 132 người chết trong số đó có một phen người Tàu. Có 149 người bị thương, 71 người bị thương nặng

Nam giới tuổi chiến hóm 2 Octobre, lễ cất đảm những người bị nạn bom đã cử hành một cách rất vui động. Có nhiều quan chức Pháp, Nhật Nam dự lễ cất đảm

Đảm đảm có 10 chiếc « ca-mi ông » cho quan-tai pha cơ Pháp, Nam, có những đôi linh lục-quan, thủy quan và kho xana bằng song chèo

— Quan Đốc-lý Hải-phong vừa ra lệnh cấm không ai được mang ca bề tươi ban rong Ai không tuân theo lệnh ấy sẽ bị phạt theo lệ luật kiên hành.

— Do một tờ thông tư của quan Toàn-quyền, từ nay các công chức người Nam sau này được tăng lương mỗi tháng 10 p. (kể từ 1er-7-43).

a) Các công chức làm việc có giao kèo là dân thuộc Pháp hay hảo-hộ.

b) Công chức người Nam có bằng cấp bậc Cao-đẳng làm công-nhật hay có áo-kèo.

c) Người Nam có Pháp-tịch làm việc có giao-kèo hay công-nhật.

— Theo đạo Do ngày 11-8-43, Nam-triều đã lập thêm một số Lưu-lưu công-văn sách vào chuyên: giữ gia-những công-văn cũ, sưu-tập những sách cũ ở các chỗ rải rác như Tăng-thư-lâu, Quốc-thư-quán Bảo

đại-thư-viện, gọi lại một nơi nhất định cho tiện việc bảo tồn những tài liệu quý giá sự đồ lâu ngày hư nát, thất lạc. Số này sẽ đặt dưới quyền ông chính-quản lưu-trữ ở các văn Trạng-kỳ-tại tòa Khâm sự kiêm sát

— Do một bản huấn-lệnh ngày 21-9-43 quan Toàn-quyền đã cho phép số Hưu-bằng được cho các công chức: Pháp hay các người Pháp làm việc ở lương tháng vay tiền để làm nhang-mat tại các nơi như Chapu, Tam-đảo, Bồ-sơn, Hoogay, Cửa-lội, Cửa-tông, Nha-trang Ở-cấp v.v. hay làm ở các thành-phố lớn cũng được.

Có thể, một người vay được 2 vạn đồng, lãi mỗi năm 5 %; hạn vay trong 20 năm. Phương-pháp này sự dĩ thi-hành là vì chính-phủ muốn giúp các người ít lương.

— Quan Toàn-quyền đã ký nghị-định tăng giá bán thuốc phiện đóng thuế bằng dựa vào sau này: Hộp 5 gr. và hộp 10 gr. tăng thêm 0 p 50, hộp 40 gr. tăng thêm 0 p 75, hộp 100 gr. tăng thêm 2 p 50

Những hộp dựa dựa còn tốt khi đem giá sẽ không phải chịu giá tăng

— Quan Toàn-quyền và phu-nhân đã từ Dalat gửi về Hanoi sáng hôm 5 Octobre cùng quan phó Toàn-quyền Cousin và các quan chức trong văn phòng ngài.

— Ông Nguyễn-văn-Sơn một dân thợ ở Hanoi đã trưng số 10.000 p. (về số 235 434 họ Đ) và đã mang về phụ luật sư trình kho bạc.

— Theo nghị-định ngày 27 Septembre 1943 của quan Toàn-quyền, sẽ lập tại phố Thống-sư hoặc Khâm-sở của mỗi-xứ trong Liên-bang Đông-dương (trừ xứ Lào) một số Thể-thao, Thể-dục và Thanh-niên. Số này sẽ quản-trị và kiểm sát về phương diện chơ-no-ri những cơ quaa trong xứ về thể-thao, thể-dục, thanh-niên sẽ thi-hành trong mỗi xứ những phương-pháp do Tổng do thuế-nào, thanh-niên ấn-định.

Sở sẽ đặt thẳng dưới quyền quan Thống-sư này Khâm-sư và sẽ do Tổng-do thể-thao, thanh-niên kiểm-sat về phương diện chuyên-môn

— Sau một cuộc kinh-lý trong một tuần lễ các võ-pa Hải-phong, Hoàng-sư và Lạng-sơn, Thống-soai Mordant quân-đốc binh đoàn Đông-dương đã trở về Hanoi

— Theo nghị-định ngày 28 Septembre 1943 của quan Toàn-quyền Đông-dương thì giá chính-taoc rượu « Phông-ec » ấn-định như sau này:

Rượu 40 độ — Giá bán từ hãng đến đại-ty 0 p 39 một lít; giá bán của đại-ty cho tiểu ty 0 p 42; giá bán lẻ cho người dùng 0 p 45.

Rượu 50 độ — Giá bán của hãng cho đại-ty 0 p 485 một lít; giá bán của đại-ty cho tiểu ty 0 p 515; giá bán của tiểu ty cho người dùng 0 p 545.

— Quan Đốc-sư Nhật ở Đông-dương Kenkichi Yoshizawa do huyện xe lửa tổ: hánh ở Saigon đã ra tờ, Hanoi, hồi 9 g. ở 30 sang hôm 7 Octobre.

SAU một thời-kỳ tạm nghỉ, Hồng quân lại tấn công dữ dội ở miền Veliki-Louki và miền Vitebsk. Tại khu Veliki-Louki, trong suốt mùa đông trước, quân Nga vẫn hết sức tấn-công, nhưng từ khi mùa hè bắt đầu, một trận trong khu này lại yên tĩnh, mãi đến nay, quân Nga lại heo chiến-lược thường dùng đối trung tâm điểm cuộc tấn công đến đây. Mục đích quân Nga là định cắt đứt đường xe lửa từ Vitebsk đến Leningrad và chọc thủng mặt trận về phía trung-lưu sông Duna Ở khu Katinine, Hồng quân đã khắc phục lại thị-trấn Nevel, cách Veliki-Lenki độ 50 cây số về phía tây nam. Thị-trấn này là một nơi rất quan hệ ở giữa nhiều đường xe lửa phía bắc đi lên Leningrad, phía tây nam xuống Varsovie. Một đường xe lửa nữa nối liền thị-trấn này đến Vitebsk. Trên mặt trận sông Volkhov, Hồng quân đã tiến vào Kaichy, trên sông Dniepr, Hồng quân cũ lập được căn cứ ở phía bắc Kiev, phía nam Perekop và phía tây nam Kremenchuk. Căn cứ phía cực nam một trận thị quân Đức đã bỏ cả bên đạo Taman ra rút sang bên đảo Kerch và Hồng quân đã khắc phục lại thị-trấn và hải-đàng Zaman. Quân Nga hiện nay ở phía bắc đang có tiến về phía biên-giới nước Lithuanie, ở miền phía đông vượt qua sông Pripiet và phía nam đang lập-trung nhiều lực lượng ở sau mặt trận. Một tin Transo-ecau nói rằng, trong ba tháng tấn-công mùa hè, Hồng-

Tuân-lễ Quốc-tê

quân đã bị thiệt 2 triệu quân lính, 20 000 chiến-xe, 7 000 đại-bác và 7 500 phi cơ Cũng thế tin Đức thì từ khi bắt đầu chiến-tranh đến nay, quân Nga đã mất 70 000 chiến-xe, 75 000 đại-bác, và chừng 52 000 phi-cơ.

Về mặt trận Ý thì hiện nay ở quân Mỹ thứ 5 đang tiến về phía kinh-thành La-mã và hiện đang kịch chiến với quân Đức trên sông Volturno. Ở giữa bên đạo quân Mỹ đã chiếm Caser e và chỉ còn cách Capone 5 cây số. Ở phía tây bên đạo, là quân Anh thứ 8 đã chiếm Termoli và có thêm quan đồng-minh-dỗ bị trong khu này, ở Nam-tu lại vượt, quân du-kích Nam-tu sau một cuộc kháng-chiến rất kịch-liệt đã chiếm Bijelopoje trên sông Lana. Ở miền Montenegro, quân du-kích đã chiếm Veliki và Bejelina. Nhiều toán du-kích khác đã chiếm các thị-trấn Livno, Kupres, Znska và đã tiến vào Varasdiske - Toplice và Ludberg trên đường xe lửa từ Varasdin đến Zagreb.

Quân Đức đã rút lui khỏi đảo Corse và quân du-kích trên đảo có quân đồng-minh giúp sức đã chếm cả đảo. Quân Đức vừa chiếm đảo Cos và tấn-công lên đảo Sgimi trong quần đảo Dodécanesse của Ý

Về mặt trận miền nam Thái-bình-dương, cuộc chiến-tranh vẫn kịch-liệt ở khu quân đảo Salomon, Quân Nhật trên các đảo Kolombangara và Vella-Lavella đã dúi đi nơi khác để đóng sau những phòng tuyến vững vàng hơn. Tin Nhật báo, thủy và không quân Mỹ đã tấn-công vào đảo Wake ở giữa Thái-bình-dương nhưng đều bị quân Nhật đánh lui.

Về tình hình chính-trị, thì dư-luận quốc-lễ hiện đang chú ý đặc biệt đến cuộc hội-ngập Anh, Mỹ, Nga nay mai sẽ họp ở Mạc-tư-khoa. Theo tin Anh thì hội nghị sẽ bàn đến nhiều vấn-đề quan trọng nhất là về quân sự và hội-ngập sẽ họp trong độ 8 hoặc 10 hôm và khi nào hai ngoại-tướng Anh, Anthony Eden và Mỹ, Cordell Hall đến Mạc-tư-khoa thì sẽ khai mạc ngay. Về phía Nga thì ngoại-tướng Molotov sẽ thay mặt Staline tại hội-ngập. Người ta đang bàn rất nhiều về thời đại Nga đối với Anh, Mỹ và người ta cho rằng Nga sẽ hết sức để đại về các vấn-đề chính-trị và tương lai thế-giới sau cuộc đại-chiến này. Đại-biên Nga ich sẽ gĩa châu Anh, Mỹ kịp tập mặt trận thứ hai ở tây Âu.

NGƯỜI VÔ-SĨ NHẬT LÚC NÀO CŨNG ĐEO KIỂM Ồ BÊN MINH ĐỂ LẠM GI?

Đó là một điều chúng ta nên biết. Hãy đọc T.B.C.N. số sau ra ngày 24-10-43, các bạn sẽ biết hết về:

LƯỚI KIỂM

và ý nghĩa lưới kiểm đối với người Tàu ngày xưa và người Nhật ngày nay ra thế nào. Cũng trong số đó:

Một ý-niệm về kim-tiền

và một truyền ngôn của CHU VĂN BÌNH GIẢN DỊ

Trong một kỳ sau, một số đặc biệt: NHỮNG VỊ ĐỘC TÀI CỔ, KIM

Nhân cuộc trưng bày chiếc
phi-cơ Consolidated B. 24

PHÁO ĐÀI BAY

TẠI HỘI-QUÁN KHAI-TRÍ TIỀN-ĐỨC...
của NGUYỄN HUỖN-TỈNH

Nói đến ba chữ «Pháo đài bay», mỗi người tưởng tượng một khác. Một vài người không hiểu rõ về cơ-khi, cho là cả một tòa thành bằng sắt đồ sộ bay trên không-trung, có đủ chòi canh, vòm đại-bác, chứa nhiều binh lính quân nhu. Tưởng tượng như thế quá xa sự thực vì có động-cơ nào đủ mạnh để nâng nổi một tòa pháo đài kiến trúc ấy lên khỏi mặt đất độ vài thước thôi, chứ đừng nói đến vài trăm thước, và có thứ cánh nào đủ rộng mà có sức đỡ (ortance) nổi tòa thành đó trên không-trung được

Nhiều người, gần sự thực hơn, cho là một chiếc máy bay to lớn vô cùng mang nhiều máy bay nhỏ đặt trong thân tàu (fuselage) và hai bên cánh. Giống như một chiếc «hàng-không mẫu-hạm bay» chiếc máy bay «mẹ» đó (avion gogone) sẽ mang máy bay «con» đến gần đất địch, rồi từ lưng chừng trời, «thả» đàn «con» bay đi đánh phá các nơi cần-cứ. Tưởng tượng như thế cũng không lấy gì làm quá đáng. Nhưng thay, những kiểu «máy bay chở phi-cơ» đó chưa ra đời, nếu không thì còn biết bao nhiêu mạng-người sẽ chết oan dưới những trận ném bom khủng khiếp.

Thực ra đã có một kiểu máy bay chở phi-cơ đem ra dùng thử bên nước Anh. Đó là chiếc thủy-phi-cơ bốn máy «MAIA» mang một chiếc thủy-phi-cơ nhỏ đặt trên thân tàu, theo chiều dọc. Thủy-phi-cơ nhỏ ấy có thể từ trên không, cất cánh rời chiếc «MAIA» mà bay đi. Tới nay chiếc «MAIA» vẫn chỉ là một kiểu máy bay đem dùng thử (prototype) không thấy làm thêm những kiểu như thế nữa

Thật ra «pháo đài bay» chỉ là một kiểu máy bay ném bom rất to, toan thân và cánh học thép (fuselage et al es bi des) có bốn động-cơ mạnh, bay cao, nhanh và xa, mang được nhiều phi-công, dầu mỡ, bom và súng đạn.

Nếu chỉ gọi là «phi-cơ phóng-pháo hạng nặng» (bombardier lourds) như trăm, nghìn chiếc máy bay khác thì có lẽ không ai để ý tới, nên người Mỹ vốn xưa nay vẫn sành về khoa quảng cáo, đã đặt cho máy bay BOEING X-15 và YB-17 của họ cái tên rất kêu là «pháo đài bay» (Flying Fortress) khiến cho đánh đó vang khắp hoàn-cầu và làm cho nhiều người nghĩ nhầm về sự lợi hại của hàng phi-cơ đồ sộ ấy.

Nhiều người hay ham mới chuộng lạ, quá tâng bốc sự lợi hại của pháo đài bay, tưởng chừng như chỉ thử đó mới có kích thước ngoại khổ, và đã quên rằng nhiều nước trên hoàn-cầu, ngoi nước Mỹ, đã từng sản xuất ra những kiểu phi-cơ vĩ đại không kém «pháo đài bay» và có khi lại to hơn nữa.

Năm 1937, Pháp có kiểu phi-cơ phóng-pháo «FARMAN 223» cánh dài 33 thước 60 phân (envvergure) thân máy bay dài 22 thước, mang bốn động cơ HISPANO, mỗi động-cơ có sức mạnh 1,100 mã lực. Máy bay có thể bay nhanh 400 cây số một giờ, lên cao 8.000 thước và bay một mạch 2.400 cây số. Chở đủ súng đạn, phi công dầu mỡ, và 4.200 ki-lô bom, máy bay cần nặng 18 tấn.

Kiểu «FARMAN 221» của phi-quân Đông-dương cũng sắp xỉ như thế, nhưng cánh dài hơn, cân nặng hơn và bay chậm hơn.

Năm 1938, Pháp đem dùng kiểu thủy phi cơ «BREGUET 730» nặng 25 tấn, cánh dài 40 thước 36 phân, thân dài 23 thước 90.

Nước Đức cũng đã từng đóng phi-cơ to. Kiểu phi-cơ phóng-pháo «DORNIER-DO-19» ra đời năm 1936, cánh dài 35 thước, thân dài 25 thước 45 phân bay nhanh được 380 cây số một giờ và cần nặng 19 tấn

Trong phi-quân nước Anh, vào năm 1933 đã thấy có kiểu thủy phi-cơ cánh dài 36 thước 60,

thân dài 27 thước 25. Đó là phi-cơ SHORT «SARAFAND» nặng 32 tấn, bay một mạch được 2340 cây số.

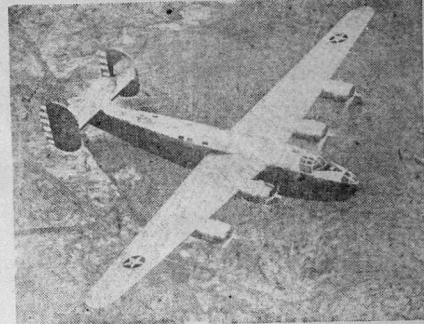
Nói đến phi-cơ khổng-lồ, thì không thể quên được nước Nga và những máy bay vĩ đại đã sản xuất tại đất đó trong mấy năm 1934, 1935, 1936 Thoạt đầu trong phi-quân Nga, có kiểu máy bay ném bom AN-1-6, cánh dài 36 thước, bốn động cơ, mang 1000 cân bom và toàn thân máy nặng 20 tấn.

Năm 1935, Nga đóng phi-cơ khổng lồ «MAXIME-GORKI», 8 động cơ, cân nặng 40 tấn. Nhưng mới đem bay thử, chiếc máy bay vĩ đại đó đã rơi xuống đất gãy nát tan tành sau khi đâm phải một chiếc máy bay khu-trục bay ngang mé trước. Sau khi chiếc «MAXIME GORKI» gặp nạn, Nga không đóng lại kiểu máy bay to nữa.

Năm 1936 Nga chỉ dùng có kiểu A.N.T.20, cánh dài 40 thước, nặng 23 tấn mà thôi. Máy bay A.N.T.20 mang bốn động cơ AM-34 cộng 4000 mã lực và bay nhanh một giờ 350 cây số.

Xem như thế đủ biết rằng về kỹ nghệ chế tạo phi-cơ khổng-lồ, không nước nào chịu kém nước nào, và «pháo đài bay» không phải là một sự «mới, lạ» tạo ra bởi những khối óc phi-thường.

Sở dĩ ngày nay, «pháo đài bay» được nghiêm chỉnh chiếm địa vị cao trong hàng máy bay



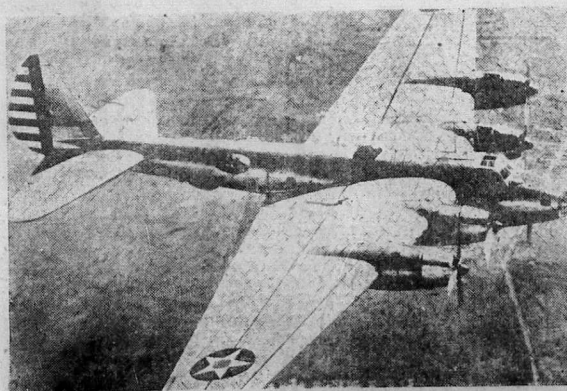
Phi-cơ phóng-pháo hạng nặng kiểu
CONSOLIDATED B. 24 LIBERATOR

phóng-pháo hạng nặng, là vì các nước đã đổi cả quan-niệm về sự đóng phi-cơ và ngày nay phần nhiều đã bỏ phi-cơ ném bom to (bombardier lourds) mà dùng phi-cơ phóng-pháo trung bình (bombardier moyen) phi-cơ phóng-pháo bay nhanh (bombardier rapide) và phi-cơ khu-trục phóng-pháo (chasseur-bombardier).

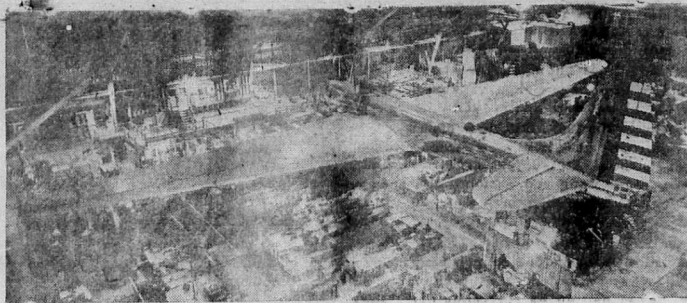
Trong cuộc chiến-tranh hiện tại, chỉ có Mỹ vẫn còn sở trường về môn đóng phi-cơ to, và những trận đánh tàn khốc bên trời Âu, phần nhiều là do những phi-cơ bốn cánh quạt thuộc loại «pháo đài bay», mang những tên như «BOEING-B.17» «CONSOLIDATED B.24 LIBERATOR», ném bom và bắn súng liên-thanh xuống những đô thành thị-trấn

Trong loại «pháo đài bay» của Mỹ, ta thấy có bốn kiểu. Một kiểu DOUGLAS, một kiểu CONSOLIDATED, và hai kiểu BOEING.

Dưới đây là đặc tính của từng kiểu. Máy bay BOEING về loại ném bom có 2 kiểu: X-B-15 và Y-B-17. Trong phi-quân Mỹ chữ B



«Pháo đài bay» kiểu BOEING Y. B.17



MỘT XƯỞNG CHẾ TẠO « PHÁO-ĐÀI BAY » Ở MỸ

Chiếc phi-cơ treo là một chiếc « pháo đài bay » kiểu DOUGLAS B-19 đang đóng dở

ngành là ném bom (bomber), chữ (X) là « máy bay còn đang thử » (pro type) và chữ (Y) nghĩa là « máy bay sau khi thử có thể đem dùng được ».

Kiểu Y.B-17 ra đời năm 1936. Từ đầu cánh nó đến đầu kia (envergure) đo được 31 thước 9. Thân máy dài 21 thước 25. Với bốn động cơ WRIGHT-CYCLONE tổng cộng 4.000 mã-lực, chiếc phi-cơ B-17 có thể bay nhanh một giờ 400 cây số, lên cao 8.000 (thước) và bay một mạch 5.000 cây số. Trên tàu có năm chỗ đứng bắn súng (poste de tir). Chữ được từ bảy đến mười người, và mang được 3.000 ki-lô bom, máy bay BOEING Y.B-17 cần nặng 16 tấn.

Kiểu HOEING B-17 đã được đem dùng ngay từ hồi 1936, sau khi thử có kết quả mỹ mãn. Đến nay, tuy có đổi mới ít nhiều, nhưng cũng không khác xưa mấy và trong những bầu thông cáo trên mặt báo chương hàng ngày ta đã được nhiều dịp xem tới ác của những đoàn « pháo đài bay » đó trên những nơi đóng lương dân vô tội. Chính tên « pháo đài bay » dùng để chỉ gồm cả các kiểu máy bay từ của Mỹ, nhưng ngày nay vì các kiểu khác đã có tên riêng, nên danh hiệu đó chỉ còn dùng cho kiểu BOEING YB 17 đã ra đời trước nhất. Đến năm 1937, Mỹ lại đóng một kiểu phi-cơ BOEING to hơn, từ đầu cánh nó đến đầu kia đo được 47 thước 70, thân dài 27 thước 48, mang bốn động cơ PRATT-WHITEY 1.000 mã-lực một chiếc, máy bay cần nặng 30 tấn. Kiểu đó đem thử, lấy tên là X-15 và đến nay vẫn chưa thấy đem ra dùng, có lẽ vì không được kết quả tốt nên vẫn phải chờ hoài chờ X.

Năm 1940, vào hồi tháng ba, hãng « CONSO-LIDATED » bên Mỹ đóng một kiểu máy bay

ném bom bốn động-cơ, cho bay thử được mỹ mãn. Kiểu đó được xưng vào phi-đoàn, lấy tên là « CONSOLIDATED B-24 » và gần đây lại mang biệt hiệu là « LIBERATOR ». Gọi là « Liberator » hay là « Consolidated B 24 » chiếc máy bay đó cũng chỉ là một. Cánh dài 33 thước, thân đo được 19 thước 20, chỉ c « B-24 » mang bốn động-cơ PRATT WHITEY mỗi chiếc 1.200 mã-lực, bốn cánh quạt Ham Iton Standard ba chạc (hélice, tripales) khiến cho tốc độ nhanh từ 400 đến 500 cây số một giờ. Tùy theo việc binh, trên tàu có từ 6 đến 9 chỗ đặt súng. Mang đủ súng, đạn, dầu mỡ, phi-công, và 4 tấn bom, máy bay cần nặng gần 20 tấn. Chiếc phi-cơ đem trưng bày tại hội quán « Khai-trí tiến-đức » hôm vừa rồi, là một trong những chiếc « Consolidated B-24 — Liberator » sang khỏi hẳn tại Bắc-kỳ và kết cục bị phi-cơ khu-trục Nhật-bản hạ được trong một trận không-chiến.

Những chiếc « Consolidated B-24 — Liberator » và « BOEING YB-17 Forteresse v.a.n » cũng đã là to lớn, nhưng so với chiếc phi-cơ khổng lồ « DOUGLAS B-19 » mới đem bay thử năm 1940 tại Mỹ thì còn kém xa về kích thước và sức mạnh. Chiếc B-19 (theo báo AERO-DIGEST thuật lại) cần nặng 82 tấn. Cánh dài 62 thước, thân dài 40 thước, mang bốn động-cơ 2.200 mã-lực PRATT et WHITEY, tổng cộng 8.800 mã-lực, máy « DOUGLAS B-19 » có thể mang được 28 tấn bom đạn, phi-công, dầu mỡ, bay nhanh 420 cây số một giờ, và bay xa một mạch 10.000 cây số. Chiếc DOUGLAS đã bay thử, kết quả mỹ mãn nhưng chưa thấy hoạt động trên các mặt trận Âu châu.

Ngoài những kiểu « pháo đài bay » kể trên, Mỹ còn đang nghiên-cứu một kiểu máy bay to

lớn thường. Báo Leica « MARTIN » nặng 100 tấn, mạch 10.000 mã-lực, mang 45 tấn vật phi công, vừa dầu mỡ, bom, đạn, bay một mạch 10.000 cây số, với tốc độ trung-bình 480 cây số một giờ.

Sau khi nói đến đặc tính của từng kiểu « pháo đài bay », bây giờ ta hãy xét đến sự lợi hại của những chiếc phi-cơ bốn cánh quạt đó. « Pháo đài bay » về thể thù rất vững trãi vì toàn thân bằng kim khí (construction métallique) Những bộ phận cốt yếu trong tàu (parties v. tales) đều có bọc thép dày để chống với đạn súng liên thanh và súng đại bác nhỏ cùng mảnh đạn cao-xa. Nhưng bộ phận đó là bầu dầu-sáng đặt trong cánh (réservoir d'essence) dầu bọc động cơ (capot du moteur) thân tàu, nhất là chỗ phi hành-gia ngồi. Tốc độ khá nhanh (bốn, năm trăm cây số một giờ) và sức lên cao (bảy đến tám nghìn thước) cũng giúp một phần lớn cho thể thù.

Những bầu dầu sáng nếu bị trúng đạn nhỏ thì cũng không việc gì vì có cách chế tạo riêng (sematisation) làm cho lỗ thủng tự hàn lại. Cách đó vô hiệu đối với đạn to của đại bác đặt trên phi-cơ khu-trục (tổng từ 20 li đến 37 li) và đạn cao-xa (37 li đến 152 li) từ dưới đất bắn lên.

Về thể công, « pháo đài bay » có nhiều khi giới lợi hai: bom, đại bác tự động nhỏ và súng liên thanh.

Bom mang trong hầm chứa (soute), đặt dưới thân tàu, hoặc đeo ở những chiếc móc arceau ở hai bên cabin Bom có đủ các thứ hàng bom này lửa, (bombe incendiaire) nhẹ từ vài trăm grammes đến 5 cân, bom giết người (bombe contre le personnel) nặng độ mười hai 25 cân, nổ thành nhiều mảnh sắc văng đi rất nhanh, Lom phá hoại (bombs explosives) nặng từ 50 cân đến 250 cân, nhẹ x lồi (orpile aerienn) nặng từ 500 cân đến bốn tấn. Vì có sức mang nặng, nên mỗi khi « pháo đài bay » đánh đâu là gây ra nhiều sự tàn phá khốc hại.

Súng liên thanh đặt trên « pháo đài bay » là hạng súng nặng (mitrailleuse lourde) nặng 13 li 2 (13m/2). Gần đây « pháo đài bay » lại mang cả đại-bác nhỏ tự động (canons auto-matiques). Đại bác đó bắn trái phá nhỏ cỡ 10 đến 37 li là cùng (gần đây vì sự phiền dịch nhảm, nhiều tờ báo đã gán cho súng đó một cỡ quá to, là cỡ 50 li. Thưa ra, súng đó là thứ súng « calibre 50 » 50 cal. tức là 13m/2) chứ không phải là súng 50 li (50 millimeter ovn) . Súng liên-thanh kiểu LEWIS, BRENN, WICKES COLT, đặt thành nhiều ầu (tourelle) dầy mũi, đứng dưới lái, dưới thân tàu, hai bên sườn tàu, lúc thường có thể tự vận chuyển thân máy cho

khởi cao (tourrelle elevable). Súng liên thanh có hai loại nòng (simple) hai nòng (double) cũng có khi bốn nòng ghép một quadruple, trung bình mỗi nòng một phút bắn được 1000 phát đạn đi xa năm, sáu cây số. Có thứ đạn thường (balle ordinaire) bằng đồng thau, có thứ đạn đánh hỏa (balle incendiaire) trong có chất hóa-học dễ cháy, có thứ đạn nổ (balle explosive) gặp vật rắn sẽ phá tung ra, có thứ đạn ở trên giới vạch thành một làn khói bay lửa (balle traqueuse) để cho người bắn soay lằm lằm cho đúng đích.

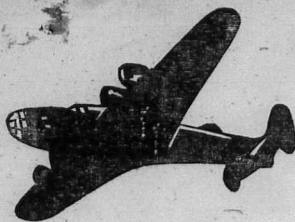
Những đại bác tự động (canons automatiques) kiểu STOCK, FREN, BOFORS, OERLIKON, bắn đạn nhỏ có hai ngòi: một ngòi để cho đạn rụng vào đầu thì nổ (fusée percutante) một ngòi nổ chậm (fusée à retardement) khiến cho đạn đó sau khi rời khỏi miệng súng, đầu không rụng vào đầu cũng nổ, tỏa ra những mảnh thép nguy hiểm. Đại bác tự động trung bình bắn từ 60 đến 120 phát một phút. Điện khiển những khi giới, máy móc, trên « pháo đài bay » cần phải có đủ một chục người. Vén trưởng tàu (chef de bord) chỉ huy tất cả nhân viên trong tàu. Vén trưởng tàu sẽ có về hành-trình của tàu và ban ra các lệnh đánh, lui, bay cao hay thấp.

Những viên Hoa-tiến (pilotes) điều khiển chiếc máy bay trên không trung Việt sự quan coi vô-tuyến điện (radiotélégraphiste) phát và nhận các tin tức. Có về máy móc sẽ có những viên cái máy (mécanicien), Chụp hình ảnh, ném bom, bắn súng đã có những viên sĩ quan chuyên môn (observateurs — bombardiers — mitrailleurs). Trên một chiếc « pháo đài bay » cũng như trên một chiếc chiến-hạm, mỗi người phải giữ một việc.

Xét qua thể thù về thể công, ta nhận thấy « pháo đài bay » mạnh lắm. Nhưng



Một viên đạn súng liên-thanh nặng 13 li 2 (13m/2) và to bằng hình thật. Khi đạn nổ, đầu đạn bằng đồng « malle-hors » bay tới đi th, còn vỏ đạn bằng đồng « malle-hors » rơi ra bên cạnh



Phi-cơ LOCKHEED «HUDSON»

«pháo đài bay» chưa thể là «vô địch trên không trung» và, chừng có hiện nhiên là gần đây trên đất Bắc-kỳ một trong những chiếc máy bay đồ-số ấy đã phải thua trận và bị «phân thây» giữa nơi đồng ruộng, để lại những mảnh thép nát bừa bãi, cách đây vài giờ trước còn là một công trình tuyệt-sắc của trí óc loài người... Tuy mạnh nhưng «pháo đài bay» vẫn phải gồm hai địch thủ lợi hại: cao xạ hạng nặng (pièce lourde de D.C.A.) nồng từ 100 li trở lên tới 150 li, và phi-cơ khu-trục (av. on de chasse) mang đại bác, súng liên thanh, bay một giờ được năm đến sáu, bảy trăm cây số.

Đại bác cao xạ hạng nặng bắn đạn nổ đi xa hơn mười cây số. Tuy rằng lên cao, sức đạn đi có phần yếu và đương đạn đi phần dễ lệch, nhưng nếu nổ trúng, hoặc nổ bên cạnh chiếc phi-cơ phóng pháo bay vào khoảng tám nghìn thước thì sức phá hoại gấp bội vì ở trên cao, không khí loãng hơn ở dưới.

Bánh phá một tinh thành có cao xạ hạng nặng phòng giữ, vượt qua hàng rào lửa thép đỏ ác sùng đó bắn lên, những đoàn «pháo đài bay» khó lòng vẹn toàn mà trở về căn cứ được.

Nhưng, địch thủ chính của «pháo đài bay» không phải là cao-xạ mà là phi-cơ khu-trục. Phi-cơ khu-trục thường là phi-cơ một chỗ ngồi (monoplace de chasse) Viên phi công vừa lái tàu, vừa bắn súng. Kể về khí-ới, phi-cơ khu-trục cũng mang đại bác nhỏ và súng liên thanh, giống như súng đặt trên pháo đài bay, chỉ khác một điều là những súng đó gắn liền vào tàu và bắn theo chiều dọc từ dân (axe) chứ không xoay đi xoay lại được như trên những phi-cơ phóng pháo. Súng liên thanh

đặt trên mũi tàu mitrailleur de capot) bắn qua cánh quạt (có thứ máy làm cho đạn sùng và cánh quạt không bao giờ gặp nhau, quạt ngừng thì súng tắc, gọi là từ synchronisé). Có khi đặt dưới thân tàu (mitrailleur sous fuselage, có khi đặt ở hai bên cánh mitrailleur de aile). Đại bác nhỏ, nồng từ 37 li xuống đến 20 li, đặt trong động-cơ (moteur-canon) bắn qua chốt cánh quạt vì lòng súng chui qua chiếc chốt đó. Súng liên thanh và súng đại bác nhỏ đều điều khiển bằng hơi. Khi giáp chiến, viên phi-công lựa cho hình máy bay địch hiện ra trên đường phân kim của ống ngắm (collimateur) rồi bóp cò máy tự động, tức thì đạn bay ra rào rào...

Xem như vậy thì kể về súng đạn, «pháo đài bay» và phi-cơ khu-trục đều có những khi giới tối tào để hạ lẫn nhau, nhưng đến lúc giao tranh trên không trung ta sẽ thấy một vài chỗ «kém» của chiếc máy bay ném bom vĩ đại. Điều «kém» thứ nhất là «pháo đài bay» to và kình cang, là một cái đích dễ ngắm cho phi-cơ khu-trục. Những viên đạn liên thanh và những trái phá nhỏ sẽ khoan hàng nghìn lỗ thủng vào cánh, khiến cho sức đỡ của cánh yếu đi vì gió lùa vào những chỗ bị đạn sỏ rách. Nếu bắn đầu bị thủng nhiều, thì khó lòng máy về nổi căn cứ, và dễ có cơ phát hỏa.

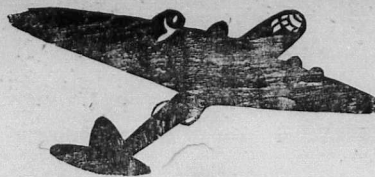


Phi-cơ phóng-pháo hạng nặng CONSOLIDATED B. 24 LIBERATOR

Trúng đạn nơi đuôi lái (dérive) máy bay sẽ mất thăng bằng, trúng đạn vào động-cơ, máy bay sẽ không đủ sức mà «bốc» cao lên được. Mặc dầu có bọc thép (blindage) thép đó cũng không thể cản nổi những đạn bắn rất gần vì trong những trận không chiến, có khi hai bên bay gần nhau chỉ có một, hai trăm thước...

Trái lại, nếu «pháo đài bay» muốn bắn trả phi-cơ khu-trục thì rất khó bởi vì phi-cơ khu-trục là một cái đích rất nhỏ.

Điều kém thứ nhì của «pháo đài bay» là chậm chạp không thể nhào lộn trong khi các máy bay khu-trục rất dễ điều khiển: nào bay ngửa (looping) bay nghiêng (glissade sur ailes)



Pháo đài ay BOEING Y. B. 17

bay tắt máy giả vờ rơi xuống như lá rụng rồi lại ngóc đầu bay lên (feuille morte) khiến cho những «tay súng» trên «pháo đài bay» phải hoa mắt...

Điều kém thứ ba là số «pháo đài bay» khó lòng nhiều hơn số máy bay khu-trục vì giá tiền đóng thờ máy bay không ít đó quá cao. Như vậy, khi giao tranh, lấy một chơi với mười thì dầu mạnh cũng phải núng. Ấy là chưa kể những khi gặp một «phi-công cảm tử» liều mình cho phi-cơ khu-trục của mình đâm vào «pháo đài bay» một mạng đổi lấy mười, tiền muốn đổi lấy bạc triệu.

Gần đây các nhà chuyên môn quân sự Đức lại mới chế ra một kiểu máy bay khu-trục bay trên thượng tầng không khí (avion stratosphérique) dùng bom đánh các «pháo đài bay» bay ở tầng mây dưới. Máy bay khu-trục đặc biệt đó nghe đâu đã lập được nhiều chiến-công trên các tinh Đức bị phi-cơ phóng pháo Anh-Mỹ đến tham...

...Coi bảo động rúc lên từng hồi trầm, bổng... Phi-cơ phóng pháo địch đã phạm vào bờ cõi... Phi-cơ khu-trục cất cánh lên tới tấp... Người ta lo lắng trong những phút nặng nề... Trong khi ấy trên không trung, lại một nơi nào đó, xảy ra cuộc gặp gỡ dữ dội giữa những người không hề thù oán nhau nhưng vì hỗn phận mà phải tận tâm gắng sức...

Rồi thì trong chớp lát, một chiếc máy bay đồ sộ rơi tự cao xuống đất gây nát tan tành... Trong thân máy lòi ra, thi-hải nhiều phi-công trẻ trung, tương lai đầy hứa hẹn...

NGUYỄN HUYỀN-TÍNH



Phi-cơ STIRLING

GIÁ MUA BẢO

	Một năm	6 tháng	3 tháng
Bắc-kỳ, Trung-kỳ	15\$00	8\$50	5\$00
Nam-kỳ, Cao-mên, Ai-lao	20,00	10,00	5,50
Ngoại quốc và Công sô	40,00	20,00	10,00

Mua bảo phải trả tiền trước mandat xin để:
TRUNG BẮC CHỦ NHẬT, HANOI

MỜI XUẤT BẢN:

ĐÃ CÓ BẢN:

VIỆT NAM THỊ VĂN HỢP TUYỂN

(LITTÉRATURE ANNAMITE, textes choisis)
par Dương Quảng HẠM

Đầy 354 trang giá 1\$40 (của Nhà Học Chính Đông-pháp xuất bản), Tiền cước gửi Imprimeries recom-mandées mỗi quyển 0p17.

ĐÃ CÓ BẢN:

MẠC-TỬ

Triệt học tòng thư

của NGÔ TẤT TỐ

Một học thuyết Đông-phương mà lý luận rất khoa-học, chứ không lý mờ như nhiều học thuyết khác. Có in cả chữ nhỏ và dẫn giải. Sách dày 300 trang. Loại thường 2p00, cước gửi 0p40. Loại đặc-biệt 6p00, cước gửi 0p60.

Thư và ngân phiếu gửi về:
NHÀ IN MAI LÍNH, HANOI

ĐANH RĂNG BẰNG

SAVON DENTIFRICE

KOL

RĂNG CÁC BÀ SẼ
TRÔNG NHƯ NGỌC
TRẮNG NHƯ NGÀ

DISTRIBUTEUR :

S.A. Poincard & Veyret
Saigon, P.Penh, Hanoi, Haiphong

Có một đồng bạc mà muốn làm giàu nhanh chóng và lương-thiện thì chỉ có cách là: MUA VÉ XỔ SỐ ĐÔNG-PHÁP

Giữa thế - kỷ 18, thủy-quân đô - đốc D'ESTAING,

người Pháp đã dự - định đánh úp kinh-đô Phú-xuân đề chiếm miền Đàng-trong

Người Âu tây
đối với nước ta
hồi thế - kỷ 18

của
HỒNG - LAM

Trong cuộc giao thiệp giữa nước Việt-nam ta với người Tây dương về hai thế-kỷ 17 và 18 mà T.B.C.N. đã có lần nói đến, có nhiều việc cần biết nhưng trong các sách Việt-sử không hề thấy chép. Thật là đáng tiếc. Chúng tôi vẫn hi-vọng mọi ngày kia, sử gia nước ta sẽ tìm cách bổ cứu những sự khuyết điểm đó. Việc bỏ khuyết đó không phải là dễ vì công việc đó muốn cho hoàn-toàn thì cần phải kê cứu cẩn thận và đọc nhiều sách vở có quan hệ đến lịch-sử nước nhà. Trong những cuốn nhất kỷ hoặc sách vở do các người Tây dương đã đến nước ta hồi hai thế-kỷ 17 và 18 để lại, có nhiều đoạn nói đến nước ta rất kỹ và nhiều việc rất quan-hệ đến lịch-sử ngoại-giao, chính-trị và xã-hội nước ta. Đó là những kho tài-liệu quý giá mà các sử gia Việt-nam không nên sao nhãng.

Vừa rồi chúng tôi có được đọc một bài khảo cứu rất công-phu đăng trong tập kỷ-yếu của hội khảo cứu về Đông-dương (Bulletin de la Société des Etudes indochinoises). Bài đề là: Một cuộc dự định thiết lập cuộc bảo hộ của người Pháp tại Đông-dương về thế-kỷ 18. (Une tentative ignorée d'établissement français en Indochine au 18e siècle). Việc dự định này rất ít người biết đến và từ trước chưa hề thấy cuốn Việt-sử nào chép. Tuy vậy đó là một việc khá quan-hệ, tưởng nên thuật ra đây.

Thế-lực người Âu tây ở miền Đông-Á hồi thế-kỷ 18

Trước khi nói đến đây, chúng ta cần biết qua tình hình nước ta hồi giữa thế-

kỷ 18 và thế-lực của người Âu tây ở miền Đông Á trong hồi đó.

Ngay từ thế-kỷ 16 và 17 đã có nhiều tàu bè các nước tây-dương thường qua lại các hải phận miền Đông-Á để buôn bán hoặc đem các giáo-sĩ đi truyền giáo ở các nước Á-châu. Trong đó này, những nước chiếm nhiều quyền-lợi ở miền Đông Á nhất là các nước Bồ-đào-nha, Tây-ban-nha và Hà-lan. Người Bồ-đào-nha chiếm Ấn-độ, người Hà-lan chiếm nhiều đảo ở miền Nam-dương-tức là Ấn-độ Hà-lan, còn người Tây-ban-nha chiếm Phi-luật-lân đã bị quân Nhật chiếm cứ từ hồi 1942 đến nay. Sau ba nước trên đây, người Anh và người Pháp cũng cạnh tranh và mở đường thông thương cùng chiếm đất đai ở miền Đông Á. Người Anh và người Pháp đã nhiều phen gây nên cuộc binh đao vì các việc ở Ấn-độ và Nam-dương. Đối với nước ta trong hai thế-kỷ 17 và 18 đã có nhiều người Bồ-đào-nha, Tây-ban-nha và Hà-lan đến xin thông thương và mở các hiệu buôn lớn ở Phố-hiến, Thăng-long (Bắc-châu) hoặc Faifo, Tourane ở Đàng-trong (tức Trung-ý). Sau ít lâu, cả người Anh và người Pháp cũng được phép mở hiệu buôn ở Phố-hiến và Faifo. Nhưng vì việc buôn bán không được thịnh-vượng lắm nên ít lâu sau các hiệu buôn của người Tây-dương ở nước ta đều bị đóng cửa.

Nói đến cuộc giao thiệp thương mại giữa nước ta và người Tây-dương ta không thể

quên được các Công-ty Ấn-độ của Hà-lan, của Anh và của Pháp. Đó là những Công-ty rất lớn và có thế-lực giữ độc quyền thương-mại với các nước Á-châu. Vì các nước Tây-dương ở xa nước ta hàng vạn dặm, nên phần nhiều việc giao thiệp giữa các nước đó và nước ta đều do các công-ty đó ấn-định.

Về tình hình nước ta thì trong hồi này gồm có hai xứ Nam-hà và Bắc-hà lấy sông Linh-giang làm giới-hạn. Tuy vua Lê vẫn còn nhưng chỉ giữ một cái hư vị đồ vương còn quyền hành ngoài Bắc thì ở cả tay chúa Trịnh và trong Nam thì ở tay chúa Nguyễn. Trong giữa nửa thế-kỷ, chúa Trịnh và chúa Nguyễn vẫn đánh nhau làm cho dân nước ta luôn luôn ở trong cảnh binh đao khời lửa. Nam-hà và Bắc-hà có thể coi như hai nước khác nhau nhưng cùng một dân-tộc ở. Miền Nam-hà, người Tây-phương vẫn gọi là « Cochinchine », là miền ở Quảng-binh lan dần dần xuống phía Nam. Đầu tiên chỉ gồm có Thuận-hóa và Quảng-nam, sau dần dần tới mới chiếm đất của Chiêm-hành mà mở ra các tỉnh Quảng-ngãi, Qui-nhơn, Rân ran và miền Nam-kỳ ngày nay nguyên là đất của Cao-miền.

Người Âu-tây giao thiệp với nước ta dần ở Bắc-hà hay Nam-hà, lúc đầu cũng chỉ có ý định thông thương và truyền đạo Giáo-tô. Khi họ đến nước ta cũng theo đúng pháp luật và phải dâng cống vật lên vua chúa nước ta. Mãi sau vì thấy tình-hình nước ta càng ngày càng rối ren, loạn lạc rồi lên từ tung mối có một vài người Tây-phương nghĩ đến việc chiếm hẳn lấy đất ta để dùng làm nơi căn cứ cho việc thương-mại ở khắp miền Đông Á. Tuy có ý định đó, nhưng thấy binh lực nước ta còn khá mạnh (thủy quân chúa Nguyễn đã có hồi thắng một hạm-đội Hà-lan) nên chưa một nước Tây-dương nào dám thực hành.

Thông-chế Pétain đã nói :

« Nhờ có hai trận mà mỗi đồng-làm của quốc-gia được thất thiệt ; chúng ta sẽ bị quá quân dễ tìm sự báo-vê chung. Sự gần gũi đó, ầu chỉ là tự-nhiên, là hy vọng nặng nề nhau trong cuộc nhục-hung. Nhưng Quốc-gia Cách-mạnh còn phải của sự thông nhất của nước Pháp ».

Trong các nước Tây-dương, thì người Pháp đến nước ta chậm nhất. Khi Công-ty Ấn-độ người Pháp phái người sang mở hiệu buôn ở Phố-hiến Hưng-yên thì người Bồ-đào-nha, Hà-lan và Anh-cát-lợi đã đến từ trước rồi. Hiệu buôn ở Phố-hiến này là một chi-điểm của hiệu buôn của Công-ty Ấn-độ người Pháp ở Surate. Hồi 1744, một nhà buôn Pháp, Rothe, đã phái Friell là chủ Duplex sang miền Đàng-trong để khảo sát về việc thương-mại. Friell được chúa Võ-vương tiếp đãi rất tử tế và cho giấy phép thông-thương lại gửi cả hai thanh-niên Việt-nam sang học chữ Pháp ở Pondichéry. Việc buôn bán giữa xứ Đàng-trong và Công-ty Ấn-độ hình như có thể mở mang được. Nhưng vì có cuộc chiến tranh với người Anh nên mãi sau khi ký hòa-uớc Aix la Chapelle thì Duplex mới có thể nghĩ đến việc buôn bán với nước ta và đến năm 1758, viên Giám-đốc Công-ty Ấn-độ Pháp phái một nhà buôn Derabec đáp tàu Fleury sang mở hiệu buôn ở Faifo và ở kinh-đô Huế. Ta lại không nên quên Pierre Poivre là người được Công-ty Ấn-độ Pháp phái sang Nam-hà vào cuối năm 1749 và đầu năm 1750 để điều đình việc thông thương với chúa Nguyễn. Tuy các quan ta dưới triều chúa Võ-vương rất những lạng và tìm hết cách để kéo dài cuộc điều đình. Nhưng Poivre cũng được chúa Nguyễn tiếp đãi tử tế và cho phép các tàu buôn của Công-ty Ấn-độ Pháp vào buôn bán ở các hải-cảng Nam-hà. Giấy phép này không có lợi gì cho Công-ty vì sau đó ít lâu Công-ty Ấn-độ Pháp bị tan vỡ. Bao nhiêu quyền lợi của người Pháp ở Ấn-độ đều nhường cho người Anh.

Việc thông-thương với xứ Nam-hà khoảng 20 năm sau mới lại được Chevalier, quan cai-trị thành Chandernagor, đề ý và phái hai chiếc tàu La Diligente (do Cany làm hạm-trưởng) và tàu Lauriston đến để có nhà chuyên môn giết phải Philibert sang nước ta. Hồi này là hồi nước ta đang ở dưới quyền nhà Tây-sơn. Philibert có tới Huế và ở đây với các người làm công của Công-ty trong hiệu buôn do Derabec lập ra.

Sở dĩ người Pháp chú ý đến miền giang sơn chúa Nguyễn là vì mất hết quyền-lợi ở Ấn-độ và miền Nam-dương. Chính trong hồi này, một vị thủy quân đô đốc Pháp là

bà-tước d'Estaing đã dự định việc chiếm lấy xứ Bàng-Trong để làm nơi căn cứ trong việc thông thương với các xứ Viễn-dông và nhất là với Trung-hoa. Trong bài này chúng tôi chỉ nói riêng về việc dự định của đô đốc đó.

Đô - đốc Estaing là người thế nào ?

Bà-tước Charles Hector Théodat d'Estaing nguyên ông cha trước quán ở miền Aveyron sau mới di cư sang quận Auvergne. Bà tước sinh ngày 28 Novembre 1729 ở biệt thự Ravel trong quận Auvergne. Trước hết bà tước đi vào lực quân đi đánh trận ở Flandres lập được nhiều công nên lần lượt được thăng lên chức đại tá rất chóng và năm 27 tuổi thì thăng lên chức thiếu-tướng. Ngày 28 Avril 1758, bà tước cùng đi với Lally Tollendal sang Ấn-độ trên một chiếc tàu thuộc hạm đội đô đốc Aché. Bà tước Estaing đã dự một địa vị trọng yếu trong trận đánh ở Ấn-độ làm cho người Anh mất cả miền bờ biển phía Nam xứ Coromandel. Sau đó, bà tước bị quân Anh bắt làm tù binh và ít lâu sau lại được thả.

Căn tính, qua quyết, thích những việc hành binh nhanh chóng và có kết quả ngay, bà tước Estaing đã dự định việc đánh úp xứ Bengale của Anh.

Đến Octobre 1759, thì đô đốc Estaing chỉ huy hai chiếc chiến-hạm *le Condé* và *l'Expédition* khởi hành từ Port Louis ở đảo Ile de France trong Ấn-độ dương để đi đánh các thuộc địa Anh ở Ba-tur, Ấn-độ và Nam-dương-quần-đảo. Đô đốc đã phải tự bỏ của cải riêng để dùng làm tiền binh phí và mộ được mấy trăm lính da đen mang theo.

Trước hết, đô đốc chiếm Ba-tour Abbassi ở Ba-tur và bắt được ba chiếc tàu của Anh. Hạm đội của đô đốc hộ tống ba chiếc tàu bắt được đến miền quần đảo Maldives rồi cho hai tàu đó về đảo Ile de France còn Đô đốc thì thẳng đường đi sang Viễn-dông.

Chính lúc này là lúc gặp gió mùa thuận, Hạm đội của đô đốc có thể đến thẳng bờ biển miền Bàng trong nước ta để chiếm kinh-đô Phú-xuân. Hạm đội có thể do hai đường: một đường qua eo biển la Sonde. Vì được đường thứ hai có nhiều thị trấn thuộc người Anh và là những nơi buôn bán họ tiêu rất lớn (mà người Anh giữ độc quyền nên hạm đội của đô đốc Estaing đi theo đường đó). Đô đốc đã lần lượt chiếm các thị trấn ở dọc bờ biển phương tây đảo Sumatra cả pháo đài Marlborough và sau cùng đến Batavia trên đảo Java để điều chỉnh với chính phủ Hà-lan nhưng lại tất cả các thị trấn đã chiếm và các hàng hóa đã lấy được. Việc này bị thất bại vì người Hà-lan có ý bênh vực cho người Anh. Vì thế đô đốc Estaing lại phải quay về Marlborough để cho quân giữ pháo đài đó cùng xuống tàu và về Ile de France. Lược về này tất cả quân sĩ theo đô đốc Estaing đã kiệt sức, hai chiếc tàu cũng hư hỏng. Về đến Port Louis, chỉ một mình đô đốc còn đứng vững nhưng cũng đã mắc bệnh rồi. Vì trong tay không có đủ lực lượng, nên đô đốc Estaing không thể thực hành được ý định của mình đối với xứ Bàng trong. Ý định đó đô đốc vẫn giữ mãi và đến năm 1768, khi đã về Pháp, lại có nhíp được bày tỏ ý định đó trong một bản diễn trần gọi là *Notes sur l'Asie*. Bản diễn trần đó, đô đốc đã gửi cho M. Borde một nhà tài-chính đã

giúp đỡ chính phủ Pháp rất nhiều trong hồi này. Đó là một bản dự án về các cuộc hành động chính trị và binh bị đối với các nước Viễn-dông. Thảo bản diễn trần đó, đô đốc Estaing đã dựa vào nhiều tài liệu như bản đồ, nhất kỹ của các người Pháp đã có nhíp qua thăm kinh đô Phú-xuân và xứ Bàng trong một vài lần, (chính đô đốc thì chưa đến chân đến đất nước ta).

Đô-dốc Estaing đã dự định việc đánh úp Phú-xuân như thế nào?

Các tài liệu đã giúp đô đốc Estaing thảo nên *Notes sur l'Asie* nói trên kia trước hết là một bản địa đồ về miền bờ biển từ Cà lao Chàm đến tận cửa sông Huế tức là sông Hương-giang ngày nay mấy bức địa đồ vẽ phác vị trí của thành Huế, các địa điểm quan hệ quanh thành và những bức vẽ những chiến thuyền và thuyền buôn nước ta trong hồi đó của một vị võ quan thủy binh đã ở Huế vào hồi 1755-1756 cùng với các người làm trong hiệu buôn của Công-ty Ấn-độ người Pháp. Rồi đến tập kỷ sự của Laurens một người đã cùng đi với Pierre Poivre sang nước ta vào cuối năm 1749. Tập nhật ký của Pierre Poivre và những điều chi tiết của hạm trưởng tàu Machault đã chở Poivre đến Tourane. Chắc hẳn đô đốc Estaing còn được gặp ở Pondichéry các những người làm công với Công-ty Ấn-độ người Pháp đã từng ở Huế.

Trong bản diễn trần đó, đô đốc Estaing có tả rõ cả kinh-thành Huế dưới đời Võ-vương, tuy nói về thành Huế có nhiều chỗ sai và khác hẳn với lời mô tả của Pierre Poivre trong bản nhật ký. Đô đốc Estaing tả thành Huế là một hình vuông có hai cửa

chính ở trên một đường thẳng, cửa trước trông ra sông. Còn ngoài thành lại có một hàng cột lim trên có xà và mái lợp ngói. Giữa các cột đó có đặt đá 390 khẩu đại bác và số lính giữ thành chỉ có độ từ 4.000 đến 5.000 người mang giáo mách hoặc thứ súng xù. Còn tên Pierre Poivre (tên kính thần Huế gồm có ba lớp thành, lớp rộng nhất là một hình chữ nhật bề dài 800 bước, bề ngang 600 bước, tường xây cao 7 pieds (mỗi pieds là 0m42) và dày 2 pieds. Nhưng ở một mặt thành tường đồ nên người ta dùng tre rào kín lại. Ngoài thành lại có một đường hành lang gồm có 800 cột toàn gỗ cứng trên có mái ngói. Giữa những cột đó có đặt 1.200 khẩu đại bác phần nhiều là hạng súng bắn đạn nặng 4 livres, chỉ có 12 khẩu lớn bắn trái phá 12 livres. Thành có 16 cửa, trong đó thì 4 cửa chính. Chỗ thành và cung vua ở gọi là Phú-kinh do Võ-vương xây từ khi mới lên nối ngôi (1738). Về phía dưới thành có lại có một tòa thành và cung điện cổ của các tiền triều để lại cũng ở một bên bờ sông với thành mới. Đó là kho tàng của nhà vua. Về phía bờ sông bên kia, trước đảo Dã-viện có một cái nhà lầu nhỏ xây trên mặt nước mà đô đốc Estaing gọi là Cung điện mùa hè. Cung điện này khác hẳn với cung do Võ-vương xây ở làng Dương-xuân tức là trong khu vực đức mà Pierre Poivre gọi là Phủ Trên. Bấy tức là cung Trường lạc, nơi Võ-vương thường đến (lính dưỡng trong khi nhàn rỗi. Hiện ở khu này ngày nay người ta còn nhận được một cái nền nhà trên đó hiện thấy một cái miếu gọi là Miếu Xóm và một cái hồ là di tích của cung Trường-lạc thuở xưa.

Còn chỗ các người Pháp làm trông hiện

HÃY ĐỌC:

SIÊU HÌNH HỌC

của NGUYỄN BÌNH THỊ

- Một cuốn triết học nhập môn dễ hiểu nhưng không tầm thường.
- Một cuốn triết học siêu phác được rõ ràng cuộc tiến hóa của nền triết học phương tây.
- Một cuộc phân tích cặn kẽ những khuynh hướng và những kết quả mới mẻ nhất của triết học, khoa học hiện đại.

TỔNG PHÁT HÀNH
NHÀ XUẤT - BẢN TÂN - VIỆT
SAIGON - CHỢ LỚN

NHÀ SÁCH
MAI QUANG

110 G. Guynemer - 73 bis G. Guynemer
21 Rue d'Espagne SAIGON
450 Paul Blanchy TÂN BÌNH

NHÀ XUẤT-BẢN TÂN-VIỆT
N° 29, RUE LAMBLLOT - HANOI

SÁCH MỚI:

Học thuyết Freud

Một học thuyết đã làm chấn động hoàn cầu lần đầu tiên được diễn ra quốc văn do ông TÔ KIỀU PHƯƠNG giá 2p50

CÙNG MỘT ÍT:

TRIẾT LÝ VỀ THỦ THUẬT VÀ NHÂN SINH của Phan Mạt 2p 0
VĂN HÓA TOLSTOI của Nguyễn phí Hoành giá 2p40
THI HẢO TAGORE của Nguyễn-vân-Hai giá 4p80
VANG SAO của Chế lan Viên giá 2p50

NHÀ XUẤT - BẢN «TÂN - VIỆT» 29 LAMBLLOT HANOI

ĐÃ CÓ BẢN:

Nghìn lẻ một đêm

QUYỂN IV

Bản dịch giá trị, đầy đủ và cặn kẽ như nguyên văn của Tiểu văn LAI - giá 2p50

SÁCH CÒN BÀN:

TRIẾT HỌC DESCARTES

Ông là của triết-học cận-đại

Nghìn lẻ một đêm

QUYỂN V

buôn cũ Công ty Ấn-độ ở tại Huế thì cũng ở phía dưới thành nhà vua, trước đảo Cồn Phấn, chỗ làng La-khe ngay nay.

Chiều chổ này là nơi để đốc Estaing định đem quân đến đó họ. Cả đố đốc và Flerce Poivre đều nhận rằng nếu có dùng võ-lực thì phải hành binh một cách bất ngờ và nhanh chóng thì mới nắm chắc cuộc thắng lợi trong tay. Đố đốc : Estaing nói thủy binh của Chúa Nguyễn gồm có 40 chiến thuyền chỉ có vài vệ bộ ngoài còn khi lâm trận thì hẳn không chắc chắn và không đáng sợ. Pierre Poivre cũng đồng ý như thế. Về bộ binh của Chúa Nguyễn thì đố đốc Estaing cho rằng nếu có đủ thì giờ để sửa soạn và tập trung thì cũng là một lực lượng vì số quân đông nhưng nếu bị đánh bất ngờ thì chắc không thể kháng chiến lâu được vì quân sĩ không quen chiến tranh. Nếu đánh Huế thì phải đổ bộ ở cửa sông Huế rồi từ đấy dùng những thuyền nhẹ chèo quân lính và chiến cụ lên tận kinh thành Huế ở ngay trên bờ sông, chỉ độ 5, 6 giờ là đến cửa thành, sau đó cần phải vây kinh-thành ngay. Những thuyền nhỏ và nhẹ định dùng về cuộc hành binh này đã đóng ở đảo Ile de France chỉ đợi đặt khi giờ là đem đến để sẵn ở đảo Ponto Fiomani hay tốt hơn nữa ở đảo Poulo Condore, chờ ngày hành-dộng. Số quân dùng ít nhất phải 700, 800, và nếu được độ 1.500 thì hay hơn. P. Poivre dự định số quân đó phải có 2000 người. Quân lính có thể đổ bộ dưới sức hộ vệ của các đại bác trên các chiến-hạm và một cổ đại bác trên đất ở trên một ngọn đồi ở hữu ngạn sông Huế.

Khi đổ bộ được thì trước hết phải chiếm lấy kho tàng nhà vua, ở trong cung điện cũ của các vua trước để lại.

Các nhà buôn, các giáo sĩ Tây dương qua nước ta hoặc ở nước ta hồi này ai cũng đều công nhận rằng Chúa Nguyễn rất giàu và có nhiều vàng bạc, châu báu tích trữ trong kho. Có lẽ, các sườn núi trên giấy

Hoành sơn xưa kia có nhiều nơi có vàng, các chúa Nguyễn đã cho khai khẩn rồi tích trữ trong kho. P. Poivre thuật lại rằng ở Huế vàng đem bán ngoài chợ từng thoi như các thứ hàng hóa khác. Bọn họ thường ở Tàu sang thương mua vàng ở miền Đàng trong để đem về Tàu bán lấy lãi.

Đố đốc Estaing dự định sau cuộc hành binh sẽ đi độ 3.000 quân đóng tại đảo Cù-lao Hàn trước vịnh Tourane và xây cả pháo đài trên đảo để cố thủ. Đố đốc lại dự-định đem nhiều thợ ở Âu châu sang để xây nhà cửa, pháo đài, khai mỏ và mở mang các công-nghệ. Đố đốc cho rằng chỉ có nước Việt-nam hồi đó chưa có người ngoại-quốc đem nhiều sản người Pháp có thể chiếm lấy để dùng làm nơi cho tàu bè nghỉ trên đường từ Âu-châu và Ấn-độ sang Tàu và Nhật. Do các nơi của cũ ở miền Đàng trong, các tàu Pháp lại có thể kiểm soát được cả các tàu của các nước Âu tây khác đi qua đường này. Dân Việt-nam, là một dân tộc thiện nghệ làm thủy thủ và khéo chân tay, việc buôn bán từ xứ ta sang Tàu có thể thu được mỗi chuyến tàu tới 60% phần lãi. Nước Việt nam lại là một nước có nứa đủ sản vật như tre, gỗ, kim khí, tơ lụa, đường và gỗ quý. Chỉ việc chiếm xứ đó và thay đổi chính thể hoặc người giữ quyền dục tài trên xứ là có thể dẹp yên được và giữ được quyền bá chủ về kinh tế trong xứ đó.

Đố đốc Estaing còn dự định liên lạc nước ta với các xứ khác ở Viễn-dông như Trung-quốc, Phi-lật-tân để lập thành một chế-độ kinh tế giữa các xứ đó và để cứu vãn cho nền kinh tế nước Pháp sau khi các thuộc địa Pháp ở Ấn-độ và Gia-nã-đại đã mất về tay người Anh.

Nếu đố đốc Estaing thực hành được ý định lớn lao và táo bạo của mình thì cả một đoạn lịch sử cận kim và tình hình nước Việt-nam ta đã vì đó mà thay đổi hẳn.

HỒNG-LAM

NGÀY GẶP GỠ

Truyện ngắn của HỒ DZẾNH

Lẽ, một cách chừa-xót vô-cùng! Bao nhiêu thế-kỷ rồi, những tiếng thổ dài mất tâm trong đêm tối, những trái đầu bù rồi nghiêng xuống bốn phía hàng ngày, tâm thường và nhỏ mọn. Cuộc hôn-nhân của mẹ tôi, đến nay, tôi mới thăm-thala được hết cái đơn giản, mới biết suy-ngẫm trước sự lã-nghỉ của nó.

Và đến ngày nay, tôi mới hiểu mẹ tôi hơn lúc nào hết, người con gái lái đò trên sông Ghép ngày xưa, người mẹ Việt-nam một cách dịu dàng và cao trọng...

Q

Cách đây hơn năm mươi năm.

Một buổi chiều mùa hè vắng rục.

Trên bờ sông Ghép lặng lẽ của tỉnh Thanh-hóa, dân

THUỐC SỢT RẾT NGÀ NƯỚC
TÂN - Á
PHÁT-LÃNH-HOÀN

công hiệu nhất
tín nhiệm nhất
đã có đại-lý
khắp nơi và đã
bán cho những
đồn điền cao xu
ở Nam-Kỳ

TỔNG PHÂN HÀNH: THUỐC TÂN-Á
160 Route de Huế, Hanoi
Cần thêm nhiều đại-lý

làng Ngọc-gấp bỗng thấy mọc lên bóng một người ngoại-quốc, tay xách một gói vải xanh thay va-ly, và đầu chụp chiếc mũ rơm đã vàng ố.

Người khách lạ có chiếc trần rất lạ: nó nhỏ nhưng nhỏ ra một cách buồn-bình. Nhất là đôi mắt, sắc như dao, bén như sước, nhìn vật gì thì như bắt lấy vật ấy. Hai cái đặc-điểm đó nhất-định không được tạo bằng thủy-thô Việt-nam mà là bằng tinh-hoa của một dân-tộc khác. Một vẻ gì xương-xương, rắn rắn dợn khắp mình người khách, biến cái thân-thể thoát trông thì gây

kia ra sự chịu đựng khó nhọc, ở đây, một nghị-lực bền vững tiềm-tàng.

Khách mặc một bộ quần áo bằng lĩnh Quảng-dông, nguyên màu đen, nhưng sau khi trải nhiều phong trần, đã đổi sang màu xám kẹch. Y phục ấy gợi được trong lòng người gặp, bao nhiêu là cảm-giác thanh-thú, hương-vị xa xôi. Từ dáng xa, những gọn lẹ phơ-phất như những ngọn gió trảng-dương, và khi lại gần thì gió trảng-dương lại chỉ toàn xông lên một mùi cá mẩn!

Linh hồn Trung-quốc phát lộ ra trong từng bước đi, điệu đứng, trong sự trầm-mặc, trong tìm, trong cả cách đưa năm đầu ngón tay có

SÁCH ĐỢI MỜI

CUỘC TIẾN HÓA

VĂN HỌC VIỆT-NAM-

Tác giả : Kieu than Quốc gia 2p20 bản thường, 10p bản đẹp

NGƯỜI CHIẾN QUỐC

(Vũ-trung-Cam), bản thường 2p50, bản đẹp 10p00

BƠI MỜI 62 HÀNG CỐT HANOI - 1EL. 1638

THẰNG CON TRAI

(Lê văn Trương)

2p.00

BA NGÀY LUÂN LẠC

(Lê văn Trương)

3p.00

THANH ĐẠM

(Nguyễn công Hoan)

4p.50

móng dài và ghét lên gãi
sồn sột chiếc quần gần như
hút tọc tọc.

Đêm về trong những bước
nhẹ, bắt đầu bốc hơi lên mặt
sóng. Nắng rất dần dần chỉ
còn ánh vàng pha sắc tím.
Hoàng-hôn ở đây không như
hoàng-hôn của Giang-lây,
Hồ-bắc, hoàng-hôn ở đây ưu
hoài như một chim - phụ
nhớ chồng.

Và như một gã giang-hồ
tranh lòng khóc nước.

Tuy nhiên, đôi mắt trong
và sáng kia không hề vẩn
bởi màu sắc thế-lương, vẫn
quắc lên nhìn những đợt
sóng nhuyển nhàng bờ quạnh
mây con thuyền ngai ngỗ.
Chỉ chỉ lạnh-lẽo đó thật là
trái hẳn với cảnh sông nước
huồn rầu, cái cảnh lấm
thường nhưng đã lấm chuyễn
roi bao nhiêu cuộc đời ngang
dọc.

Khách ngồi xuống vệ cỏ,
không để ngắm cảnh chiều
tang-lóc, mà là để tháo cái
gối vải từ bao lâu vẫn đeo ở
tay, lấy từ đó ra một gói cơm
nấm. Rồi không dao, không
đũa, khách bẻ ngoắt nửa
nấm cơm, đưa lên miệng,
trong khi mấy ngón tay lấm
gỗ từng miếng cá khô. Đôi
giếng khách ngừng nhai, chép
miếng cho thím xuống đây
lòng cái hương vị đậm đà
của bữa cơm lưu-lạc.

Chỉ sau mười phút, không
còn một miếng cơm, một
khúc cá nào sót lại trên
mạnh là chuối bèo. Tất cả
lượng thực đã ngọt ngào trôi
qua cổ họng, đào lộn tợn

cái dạ dày vô bệnh, để biến
thành những giồng máu hùng
cường lưu-lưu nuôi mạch
sống, và nuôi lớn mỗi cái
chí nguyện giang-hồ.

Ấn xong, khách xoa tay
đứng dậy, bước xuống bến
sông rửa mặt và vốc nước
uống, rồi lại trở lên nằm
gối đầu trên bọc hành-lý.
Tất cả những công việc ấy
như đã được ấn định theo
một phương-pháp, nên có
mạch lạc và quy củ hẳn hoi.
Khách nằm rất bình-lĩnh,
tay chân ruỗi thẳng, mắt
hướng lên không gian, tâm
thần nhập định. Nhưng nếu
để ý, ta sẽ thấy loảng trên
bụng khách một lưỡi dao
nhọn như lá bùa hộ mệnh
đặt ở đây từ bao giờ.

Trời quang lấp lánh sao,
hứa một đêm phẳng lặng.
Gió sông lên đây. Làng mạc,
xa xa, chìm mờ trong bóng
tối, đôi lúc để lọt ra vài tiếng
chó sủa ma. Mấy điểm đèn
hạt đậu rùn trên sông như
những con mắt buồn từ kiếp
trước. Bỗng, giữa khoảng
triền miên rộng rãi ngân đưa
một điện hát lơ-lửng bay
trên giòng nước, một điệu
hát đô đưa trầm trầm, lạng lạng:

LẬU, GIANG

Mặc bệnh tình nên uống
thuốc của ĐỨC-THO-ĐƯƠNG
131 route de Hué Hanoi sẽ khỏi.
Thuốc lậu 1p00 một ve. Giang
1p00. Nhận chữa khoán. Xem
mạch cho đơn, chữa đủ các
bệnh người lớn, trẻ con. Bán
đủ cao, đơn, hoàn tán.

« Muốn sang nhưng ngại
vắng thuyền,
Muốn về bên ấy nhưng duyên
lỡ rồi ! »

Nhịp hát gợn lại và xa đi
theo chiếc thuyền nhỏ, có
độc, ảo não, trong sự tỏ bày
kin đáo của một tâm lòng
thương nhớ mệnh mông.

Ở trên bờ sông bên này,
người khách đã đứng dậy,
tay nắm chổi dao, mắt
nhìn cái vệt lửa của chiếc
thuyền đặt mờ trên mặt
nước.

Thuyền hình như lại gần,
vị sóng vỗ vào mạn đó mỗi
lúc một mạnh. Và sau khi
nhận đúng là một chiếc đồ
chỗ khách, người từ hành
của đất nước Trung Quốc
hỏi lên:

— Tò ! ni (Đồ ôi !)

Sông nước trả lời lại cái
giọng kên quai gõ bằng một
bóng vang lạnh lẽo. Tiếp
đến tiếng từ dưới sông vọng
lên, cái tiếng nhỏ nhẹ của
một người con gái xứ Trung
Kỳ:

— Ai gọi đồ ?

Một phút yên lặng. Người
khách lạ, khó nhọc lắm mới
kiếm được câu trả lời :
— Ng... ô... ô ! A « tui tây » !
(A tôi đây !)

Nói xong, khách xăm xăm
bước xuống đó, trước vẻ
ngạc nhiên vô cùng của
thiếu nữ.

Đó quay mũi, thiếu nữ
yên lặng chèo. Tiếng sóng
khua, làm rộn vào lòng nàng
một nỗi lo sợ kín đáo. Vừa
chèo, nàng vừa liếc nhìn



người khách lạ mà thoạt
trông, nàng có cái cảm
tưởng hãi hùng như gặp
một tên giặc cướp tâu ở
ghé gớm.

Đò đã ra giữa sông. Một
làn gió thổi mạnh. Người
khách lạ lúc này đã như rời
bỏ những tư tưởng riêng.
Hải đầu ngoảnh lên nhìn
thiếu-nữ. Đò là một cái nhìn
rất lạ, nhưng rất chắc, cái

nhìn về rõ ra một sự quyết
định, khiến thiếu nữ bậm
môi lại, và tuy trong bóng
sao mờ mờ, e thẹn nhìn lảng
ra ngoài xa... Một thoáng
cười chạy qua môi khách,
làm dịu hẳn vẻ hung tợn vừa
rồi khiến thiếu nữ sợ hãi.

Là vì lần đầu tiên trong
đời, nàng chịu cái nhìn sắc
mắc đó. Nó không chú ý
ở người nàng những điểm

đẹp đẽ, mà chỉ cố khám phá
những điều - kiện cần-thiết
cho sự gây dựng hạnh-phúc
gia đình, sự vững bền của
nòi giống. Và mỗi lần, trong
khi nghĩ đến những gương
cần mẫn đã từng lấp lánh
phần chiếu cái đẹp huyền
bí, thần thánh của góc trời
Phương Đông, người lữ-
hành kia đã không quan
niệm người đàn bà Việt-Nam
như đã quan-niệm người
đàn bà Trung-Quốc ?

Cho nên, dưới bóng sao
đêm ấy, trên giòng sông
khuya, người con gái Việt-
Nam đã che đôi má ửng hồng
trước mặt người khách lạ
và cũng lục, không hiểu sao,
nàng thấy ngậm-ngùi chưa
xót...

— Nhà « ni » ở đâu ?

Người con gái ngờ ngạc
một lúc lâu, rồi mới hỏi :

— Nì ? Nì là gì ? Tôi không
hiểu.

Người khách cũng ngăn
người trong vài phút, mới
tìm được cách cất nghĩa :

— Nì là... nì ! Là...

Một ngón tay, theo câu nói
bỏ đó, chỉ thẳng vào thiếu
nữ khiến nàng không nhịn
được cười :

— A, nì là có !

Khách lộ vẻ sung-sướng
đột ngột, với người học trò
không thuộc bài vừa được
bạn nhắc :

— Có ở đâu ?

Thiếu-nữ mỉm cười, đưa
tay chỉ một cái xóm nhỏ gần
đấy, nơi nhà hiu-sáng vài chấm
đèn dầu lạc, loảng thoáng

Nhà sản xuất lớn các thứ áo dệt
(PULL'OVERS, CHEMISERES,
SLIPS, MAILLOTS V.V...) chỉ có

HÀNG DỆT PHÚC-LAI

87 - 89, Route de Hué, Hanoi - Bán buôn
khắp Đông Pháp áo tốt không đâu sánh kịp

DONGA

dầu nước trị bá chứng, đã bán khắp các hiệu thuốc Nhật, Tàu, Nam
cần thêm đại lý Phủ, Huyện, Châu, Quận, điều kiện để rằng không
phải ký quỹ - Ets. DUG THANG n° 80 rue des Médicaments, Hanoi

qua hàng rào tre thưa mỏng. Trong đêm, văng đưa tiếng chày giã gạo, đều đều rơi vào giữa sự tĩnh-mịch như kéo gần những thời khắc buồn bã không bao giờ tận. Đó ghé bên.

Người khách toan đưa đồng xu cầm sẵn trong tay cho thiếu nữ, bỗng lại ngần-ngại:

— Cho «tui» ngủ một đêm ở nhà cô nhé?

Thiếu-nữ đặt con sào lên thành đồ, ấp ứng:

— Ông hỏi mẹ tôi ấy. Tôi không biết!

Nói đoạn, nàng bước vội đi trước, nhưng đôi lúc chậm chân lại, vì thấy người khách đương nói theo.

Đến một cái ngõ tre, thiếu-nữ cất tiếng gọi:

— Mẹ này, cô ông khách «tàu» xin ngủ trọ.

Một bà cụ trạc năm mươi tuổi, tay cầm chiếc đèn cầy, từ trong nhà đi ra:

— A? A mà trọ với ngủ?

Người khách lạ cúi đầu chào bà cụ một cách kính cần, xong, quay lại bảo người con gái:

— Con xem dọn nhà trên, rồi nhường cái giường cho ông ấy nằm.

Bà cụ nói vừa dứt, cô gái đã vùng chạy vào phòng tối, đem theo cái mặt chắc là phải đỏ hơn ban nãy nhiều.

Trong khi ngồi tiếp chuyện khách, bà cụ thành thực hỏi:

— «Chú» đã sơ cơm chưa, để tôi bảo cháu nấu nê?

«Chú» khách cũng thành thực trả lời:

— «Tôi» ăn cơm rồi. Tôi ăn ở ngoài bờ sông!

Câu trả lời tự nhiên và ngộ-nghịch đó khiến bà cụ

mỉm cười và khiến cô gái đương ngồi đun nước gần đây cũng sắc cười theo.

Nhìn cả hai miệng cười cùng một lúc, người khách ngo-ngác đưa mắt liếc hai bà con chủ nhà:

— Cười? Cười «tui»?

Bà cụ đáp lời:

— À, cháu nó thấy ông lạ.

Đêm ấy, lần đầu tiên trong cuộc đời giang-bồ, người lữ



khách đất lưng trên chiếc giường tre to-vết, giữa những tiếng và hình khác hẳn với những cái quen biết ở quê hương.

Mái nhà tranh lợp eo sài, để chầy xuống mặt khách một giòng ánh trắng bạc tuấn, và ngừng lại ở đây thành những đồng bèo mới long lanh.

Gió thổi trong vườn cau, xào xạc.

Tĩnh-mịch để làm đuổi lòng người. Lữ-khách, tức này,

đã thấy chết chớ phiêu lưu, bốn đầu, để cảm khái trong sự hương nhớ, trong giây phút trạnh lòng tưởng đến một mảnh đất xa xôi...

Lữ-khách ngạc nhiên ghé tai vào sự yên lặng, cái yên lặng mệnh mông và uất không bị pha bởi một tiếng sáng hẳn uớt náo như ở quê hương.

Mấy tiếng tù và khuya rúa: lên, mơ mang bay vào gian nhà vắng. Lặng biết mọi người đã ngủ yên cả, vị thấp từ cửa giòng sơn Trưng-Quốc, vạt chân chệch ngủ, khe khẽ ngâm một bài thơ cổ, qua rồi xé động đột nhiên tu lại trong lòng người:

«Uyt lợt, rừ thây, xuống mền thén,

Đông phổng, đi tít, tui sáu mìn,

Củ-châu sông rười Hồn Sái,

Dè pun, chổng sông tén hạc sin»

(Nguyệt lợt, ở đề, suong mền thén,

Giang phổng, ngư hóc, đi sáu mien,

Củ-Tô thành rười Hồn-sái,

Dạ bán, chổng thanh áo khách thuyền...)

Ngay lúc ấy, từ gian buồng bên nổi lên mấy tiếng gì như chuột rúc. Lữ khách, thấy đất mặt cảm hứng, càu nhàu trong bóng tối:

— Cầm tổ sĩ a! Tui à má (Lầm chuột thối...)

Nhưng đó không phải là tiếng chuột rúc. Đó là tiếng người con gái chỏ đó ban tối cười qua hai làn môi kín đáo kếp lại.

HỒ ĐZÍNH

LỜI CHUÔNG NGUYỄN

Tặng vong hồn seur Paulena

O Vierge Immaculée
O Lys de la Vallée
Pleur prée de qui nos fleurs
Perdisaient de leurs couleurs.

Trình Tiết trong người,
Hoa Huệ của đời,
Bên Ngươi, một đóa Hoa Trôi.
Bao nhiêu Hoa thối rã rồi hết hương.
H. DZ.

Lẻ nên đêm qua ừa mấy giòng,
Chín hồi chuông nguyện khêc trên không,
Nàng đi êm lạng như Nàng sông,
Tóc vẫn thơm nguyên, má vẫn hồng.
Sao khuya chứng giám giờ ly biệt,
Bóng lạng nh như tiếng ngậm ngùi.
Đời ở ngoài kia êm ả quá!
Từng đoàn, đôi lứa hẹn nhau vui.

Ta lấy gì đây để khêc nhau?
Hoa buồn mấy đóa? nhớ đôi câu?
Hay ta se, cả đời ta lại
Để ghép đưa ai khúc nhạc sầu?
Không! Không! Tất cả đều nhân thổ.
Tất cả Thơ, Hoa: mỹ phẩm đời,
Mà ông Trính xưa không muốn để
Linh Hồn vô giá bợn màu tươi.
Ta biết tuy nàng chỉ muốn ôm
Bó Mùa Tươi Sáng, chỉ mê hồn
Đôi bàn chân Chứa, và mong uống
Tất cả Đau Thương của Suối Hồn.
Ta nhớ lòng nào để tới nhau
(N ững hôn bằng tuyết vốn hay đau)
Bằng muốn thức quí đời ta mọn
So với Trời! Hoa vĩnh viễn màu?
Chuông nguyện thượng ai khêc dưới đời?
Trước hàng nền trắng, khóm hoa tươi,
Ta nghe tiếng gọi từng mây vắng:
«Em đợi anh lên hát Lễ Trời.»

SANG THƯ

Hu hui, gió gửi mây về,
Nửa thu sang đó, nửa hè còn đây...
Bóng mờ xuống lặng chân cày.
Non cao vắng vẻ, sông đầy nhô mây.
Cỏ hòa rả dăng trên cỏ hồng,
Giờ nghiêng cánh nhơ trong đồng tịch liêu.
Xe đi, tiếng rộn qua chiều,
Lửa thôn thấp thoáng, mái lều ngăn ngõ.
Mênh mông, xanh thắm phơi toà,
Chân đi vương vấn lời thơ ngậm ngùi...
Thư về, gió mơn tai thổi...

HỒ ĐZÍNH

Ngày lễ Quốc khánh Song thập của người Hoa kiều ở Đông- duong

Chủ Nhật 10 Octobre 1943 là ngày lễ Quốc-Khánh S ng-Thập của người Trung-Hoa kỳ-niệm cuộc cách mệnh thành lập Dân-quốc năm Tân-hự, Hoa Kiêu Quảng-đông ở đây, nhậu dịp đã cử lễ ở Hội quán Hàng Buồm, và đại tiệc, có đủ các quan chức Nhật, Pháp, Hoa, Nam đốc dự. Trong số, chúng tôi nhận thấy quan đại sứ Yshioza wa quan Công-sứ Yokohama, các quan lãnh-sự Kogakaya, Watanabé, nhiều quan chức và đại biểu các báo Pháp Nhật, Nam.

Sách mới

T. B. C. N. vừa nhận được:
— TRIẾT-HO: LÀ-GÌ? của NGHIÊM-TỬ, do nhà HÀN-THUYEN xuất bản, giá 190 trang, giá \$250.

—SỰ TÍCH VÀ NGHỆ THUẬT HÁT BỘI của ĐOÀN-NÔNG giá \$300

—CẨM TINH VÀ HOẠT ĐỘNG của NG. ĐỨC TINH giá \$30

—TÌNH ĐO VƯƠNG của PHAN-TRẦN-CHỨC giá \$20

—MẠNH THƯỜNG QUÂN cũng của PHAN-TRẦN-CHỨC, giá \$350

Bốn cuốn sách này đều do nhà-MAI LINH phát hành.

Xin có lời cảm ơn 2 nhà xuất bản và giới thiệu với bạn đọc

+ AI MUỐN BIẾT +

Các thứ thuốc và các cách điều trị để các chứng bệnh nam, phụ, lão, trẻ theo hai khoa y học và bác chế Đông Tây hay là từ nhiều sách thuốc do ông bà Lê-Văn-Phấn, y-sĩ và bác chế sư, tốt nghiệp trường Cao-đẳng y học, chuyên khoa và thuốc Nam Bắc, đã soạn và dịch ra Quốc-ngữ sách nói về các bệnh phải, do huyết, tim, bệnh hoa liễu v.v., sách về san dục nữ khoa đưa giá 15 một bộ. Thư từ mua sách hoặc hỏi về thuốc men chưa hạn xia để:

Monsieur et Madame LÊ-VĂN-PHÂN
Médicin civil et pharmacien
N° 18, rue Ba-vi Soglay—Tonkin

CÂU CHUYỆN CON CÁ SẤU CỦA HÀN-DŨ

NHỮNG CUỘC
ĐI SƯ CÓ ÍCH
CHO VĂN HÓA
NƯỚC NHÀ

của
ĐÀO TRINH NHẤT

hay một cử động lật vạt của mình cũng không bỏ sót.

Nhưng, chẳng phải sứ-bộ nào cũng biết đem kiến văn mới lạ về nước, và chẳng phải kiến văn mới lạ nào đem về mà triều đình và dân gian biết hoan nghênh lợi dụng cả dân.

Bây giờ người ta còn truyền làm giai-thoại một sứ-bộ về triều Tự-đức đi sang Pháp về, kể những cơ-khí tân kỳ được trông thấy, bị các cụ triều-thần cho là bịa chưởng, suýt nữa buộc ông chánh-sứ vào tội khi quân.

Ấy là sứ-bộ Phan-thanh Giản sang Paris vào năm 1863. Lúc trở về kinh phục mệnh, vua Tự-đức ân cần phán hỏi về tình-hình phương tây.

Thế nào, các người sang nước Phú-lăng-sa chuyện này, thấy những gì lạ? vua hỏi sứ bộ.

Tâu bệ-hạ: lũ thần được trông thấy lắm sự phát minh chế-tạo rất tài. Ví dụ đến thấp không cần có đầu như ta, mà ngón lửa lại chực đơm trở xuống; còn giếng nước cũng lạ, vòi nước vọt thẳng lên cao.

Còn nhiều sự lạ nữa, sứ bộ được thấy thế nào, biên chép trong tập thể ấy trong tập Sử-trình Nhật-ký, dâng vua ngự lãm. Vua xem rồi lấy làm kinh-dị và nghi-hoặc, bèn giao xuống cho đình-thần bàn xét coi sự-lý thiên hạ có thể nào quái-gở như sứ-bộ đã tâu bày được không.

Các cụ đình-thần lúc bấy giờ, toàn là nhà nho thủ-cụu đến tận kẻ tóc chân răng, không biết một tí gì về tình hình tiến hóa của các nước Tây-đương. Mỗi khi gặp việc gì khác lạ, các cụ cũng dựa vào kinh truyện để tìm lấy nghĩa lý: hợp với lời nói thành hiện thì cho là đúng, mà trái với sách vở thì nhất-định là dẫu, bảo là bô-lão. Người ta kể chuyện lần ấy cho cụ vàng lệnh vua sai đi

kinh lý các bậc phòng thủ ở cửa Thuận-an, một bọn dân ở mé biển đến trình rằng: mấy hôm nay thấy ngoài biển nổi lên một con « quái vật to tướng », miệng phun ra khói đen và tiếng hét như sấm sét. Cụ-lớn ta không cần đợi chính mắt mình trông thấy con quái-vật ra sao để mà phán-đoan, chỉ suy nghĩ tìm tòi trong óc nhớ kinh-diện rồi nói ngay:

— Thời ta biết rồi, có gì mà lạ! Ta nhớ ngày xưa ông Hàn-Dũ làm thứ sử Triều-châu, dân ở đó thường bị ngạc-ngư làm hại; ông làm bài văn tế ngạc-ngư, từ đấy dân được yên ổn. Con quái-vật bay trông thấy nổi lên ngoài bể mấy hôm nay, tất là một loài ngạc-ngư vậy.

Kỳ thật, con quái vật ấy là một chiếc pháo-thuyền của hải-quân Pháp đến tắm ở địa-điểm cửa Thuận-an.

Cũng như chuyện con ngạc-ngư, các cụ đình-thần xét lời tâu của sự-bộ Phan-thanh Giản, cho quái quái lắm, chẳng làm gì có:

— Vớ lý! Không thể nào có sự « đèn thắp ngược, nước chảy lên » được bao giờ! Trong sách thành-hiến đã dạy « Thủy thuận hạ, hỏa viên thượng 水調下, 火炎上 » (nước thấm xuống lửa bốc lên), chính là chỉ-lý trời đất, định-án xưa nay. Trái lại là nghịch lý, không đúng sự thật. Bọn ông Phan-thanh Giản, Phạm phủ Thứ sang tâu, bị họ bày trò quỷ-thuat làm cho quái quái, rồi trở về tâu bày để khi quân vòng thượng chớ!

Mấy câu chuyện này, lâu lâu lại thấy có nhà văn nhà báo tây nam nhắc lại một lần. Có ý trào phúng. Nhất là những người bài bác Không-giáo, quyết buộc vào tứ-hình, mỗi khi bàn về tai họa Không-giáo, thường dẫn lại mấy chuyện thú-vị trên đây, để làm bằng-chứng.

Song, hiện luận chỗ hay dở của Không-

giáo là chuyện đứng ra ngoài khuôn khổ bài này, chúng tôi chỉ cần tìm lấy tởng những cuộc ngoại-giao thông sứ của ta ngày xưa có ảnh hưởng lợi ích gì đối với dân-sinh và văn-hóa. Những lúc thế giới chưa thông-dồng với nhau được từ tưng để dàng như bây giờ, văn hóa nước này vẫn có thể truyền đạt cho nước kia, phần nhiều bởi có những người mạo-hiem đi buôn hay có việc nước sai khiến đi sứ. Mấy nghìn năm trước, dòng lái trao đổi ít nhiều văn-hóa cho nhau, cũng nhờ có phương tiện ấy.

Trên đường lịch-sử nước Tàu từ Tần Hán trở đi, văn hóa nghệ thuật mỗi đời tấn tới đến đâu, ta dòm rước phùng theo đến đó, chính là hành xe sứ-thần đã leo hồi chuyên về một phần khá lớn.

Đến giữa thế kỷ mới rồi, văn-hóa Tây-phương tràn lấn thiên-hạ; sứ bộ Phan-thanh Giản sang Pháp đem những kiến văn mới lạ về, ý-hầu cũng muốn giúp ích cho việc sửa sang trong nước. Phải chỉ những nhà chấp-chính ở đời Tự-đức biết tin nghe, biết lợi dụng, thì những chương-trình cải-cách của người thức-thời như các ông Nguyễn-trường Tộ, Phan- Liêm đã được thực-hành và nước ta được hưởng-thuần văn-minh Pháp sớm hơn.

Những sứ-bộ Phan- thanh Giản không được đất lời và gặp may cho bằng các cụ đi cống-sứ bên Tàu trước.

Nước ta có cuộc thông-sứ với Tàu từ bao giờ? Sứ chép đời Hùng-vương có sai người đem chim trĩ sang cống nhà Chu, ông Chu-công phải chế ra xe chim nam để sứ ta biết phương hướng mà về, cho khỏi lạc đường. Nếu phải tin cả lịch-sử về thời-lý truyền-nghe, thì trước nhà Chu hơn nghìn năm, trong đời vua Nghiêu, đã có sứ-thần nước Việt-thường đem cống một con rồng lớn.

Cổ-nhiên mấy chuyện ấy không chắc có. Nhà chép sử Tàu có thể bịa ra để chứng tỏ từ đời thượng-cổ nước mình đã có các nước chung quanh thần phục.

Nói gì thời đại Bắc-thuộc đang dâng 1042 năm (trước Tây-lịch 111 năm cho đến năm 931 theo Tây-lịch), nước ta bị kẻ như một quận huyện của Trung quốc, không có quyền tự-chủ, cho nên không có việc ngoại-giao.

Mãi tới nhà Đinh, dẹp loạn 12 sứ-quân, dựng thành nước Nam độc-lập, nhân thần Tống Thái-tổ vừa mới nổi lên, thế lực rất

Bút máy : HAWAIIAN

Có máy điện khắc thêm tên

★

Giá 14p75 thêm 0p50 cước recommandé.
Ở xa gửi nửa tiền trước - còn gửi cmt.

MAI LĨNH 60 Cầu Đất Haiphong

mạnh, Đinh Tiên-hoàng sợ họ thừa thắng trận sang đánh mình, bèn sai sứ qua giao hảo với Tống triều. Kể lại sai con là Nam-việt - vương Liễn sang nạp cống và cầu phong. Lúc ấy là năm 972. Nhà Tống phong cho Đinh Tiên-hoàng làm Giao-chỉ-quận-vương và lập lệ bốn năm một lần cống sứ. Nước ta bắt đầu sai sứ đi cống bên Tàu từ đây.

Về sau, triều vua nào cũng giữ theo lệ sẵn, lúc mới lên ngôi thì cầu phong và mấy năm một kỳ nạp cống không hề quên sót. Có khi dôi bên chiến tranh mà ta thắng trận, vì dụ Lê Thái-tổ đánh quân Minh hay Trần Hưng-đạo phá giặc Nguyên, nhưng rồi sau khước hát khải-hoan, tự mình lại sai sứ đem lễ vật sang Tàu, kiểm lời khôn ngoan yên ủi họ và xin giao-hảo như cũ. Đó là chính sách ngoại-giao cực-sắc-lạ của một nước nhỏ yếu ở bên cạnh nước mạnh, cầu lấy yên thân êm chuyện là hơn.

Suốt ba triều Lý, Trần, Lê, trải qua Tây-sơn cho đến tận cuối thế kỷ 19, những vết chân ngựa và dấu bánh xe Bắc-sứ chôn chôn trên con đường Nam-quan, không biết là bao nhiêu chuyến mà đến cho hết. Ấy là chưa kể lần lúc quốc-gia nguy-biến, sứ thần đi lại bên Tàu như cơm bữa, mà quan sứ thương phải giá làm rách rưới, lần lút khổ sở, khiến ông Trần danh An đã có câu thơ tả cảnh thực mình, nghe rất thương tâm :

千古猶傳奇絕事
敝衫殘笠使臣裝

« Ba ngàn niên, nghìn năm còn chuyện lạ
« Nón rách áo rách sứ-thần ta !

Đến năm 1884, triều-đình nước Nam ký điều-ước nhìn nhận nước Pháp bảo-hộ, chẳng phải thần-phục ai khác nữa, ông Patenôtre hội các cụ triều-thần lại, đem quả ấn của lâu phong-vương cho vua ta thử nạy, thật dễ hủy đi.

Thế là dứt cuộc đi cống sứ nước Tàu. Tính ra khởi-thủy từ Đinh Tiên-hoàng đến đây, trước sau 912 năm.

Trong thời-gian hơn chập trăm năm ấy, có những người nhận việc đi sứ Tàu mà đem văn-hóa nghệ thuật về truyền bá giúp ích cho dân không phải là số ít.

ĐÀO TRINH NHẤT

ĐÃ CÓ BÁN:

**Khảo cứu về
Tiếng Việt - Nam**

- của Trà Ngân giá 2p50

Công chúa vàng

Tức Hoa-Mai số 32 của Phan-Như giá 0\$20

Thăm hiên

Gò Khúc - Rông

Tức Hoa-Mai số 33

của Nguyễn-phủ-Độc giá 0p20

Nhà xuất-bản Cộng-Lực 9 Takou Hanoi

CÁC GIA-ĐÌNH NÊN DÙNG THUỐC:

Điền - Nguyễn

- 1) Thuốc đầu da dầy Điền-Nguyễn
- 2) Thuốc lòi ghà... Điền-Nguyễn
- 3) Thuốc ho lao... Điền-Nguyễn
- 4) Thuốc bổ thận... Điền-Nguyễn
- 5) Thuốc bổ huyết... Điền-Nguyễn
- 6) Thuốc cam tỳ... Điền-Nguyễn
- 7) Thuốc cam sai... Điền-Nguyễn

Tổng-cục : 125 Hàng Bông, Hanoi

Hải-lý Đức-thắng, Mai-linh, Nam-tiến Saigon
Nam-cường : Mỹ-tho, Vinh-lương : Vientiane

**4 MÓN THUỐC BỔ CỦA NAM
PHỤ, LÃO ẤU DO NHÀ THUỐC**

ĐU'C-PHONG

45, Phố Phúc-Kiến Hà-oai phát hành

Các cụ nên dùng :

THUỐC ĐẠI BỔ ĐỨC-PHONG 2\$00

Các ông tâm việc nhiều nên dùng :

THUỐC BỔ THẬN ĐỨC-PHONG 2, 00

Các bà các cụ nên dùng :

THUỐC ĐIỀU KINH BỔ HUYẾT 1, 70

Các bà phải cho trẻ em uống thuốc :

THUỐC BỔ TỬ TIÊU CAM 1, 50

**BÁN ĐƠN BÁN LẺ BỞ THUỐC SỐNG
THUỐC KALO CHẾ VÀ CÁC THUỐC SẮM**

Quỳnh Như

KỊCH THƠ của PHAN KHẮC-KHOAN

(Tiếp theo)

(Quang Ngọc cởi ngựa đi qua, Phạm-Thái gọi):
Người khách thương.

Bón ba chi cho nòng phí buổi xuân
hường ?

Dừng bước lại,
Hãy xuống yên đi nào ! chờ ta đây rẽ mai...

Ồ tiên muôn, bạc vạn khó mua say !
Xem : lời lải đầu trong cổ chén be này ?

Dừng đứng lại !
Không v ? Ở hơu lới.

(Đến lượt Nhị-Nương cởi ngựa đi qua,
Phạm-Thái lại gọi):

Người kỵ-mã.
Công-danh chi mà tất tả ?

Đường trần-gian đâu rắc mọng mà theo !
Hãy cùng ta chèo chén a ha đề cười reo

Trò thiên-ha !
Kỵ-mã ! nghe không ! người kỵ-mã !

Dừng lại mau. Ở kia phường suôn lại !
Chẳng cùn ta hợp cạm một be này ?

Ồ mà bọn trần-gian đâu đáng bạn với ta
đây.

Thôi, mau rảo cẳng...
mà đồng bằng

Đừng vát vờ bên mắng tới nơi đây
Quấy mắt ta liệu xác với be này

Văng vào mặt.
Mùi bon thanh kiếm sắc !

Ồ

A ha

phương trời xa,
mây vờn qua
cảnh mộng, đài hoa
hay bóng nhợng-nạ ?
hay là ta ?

A ha !

(Phạm-Thái say gục xuống, trong mơ hiện
ra một người tráng-sĩ, vừa múa kiếm hát):

Ta tráng-sĩ chứ gặp thời loạn lạc,
Như cá trong nước chừ ta vẫy vùng ;
Bỏ bút bỏ nghiên chừ toàn đồ võ dụng,

Một gương mặt ngựa chừ, một cây cung
Vỡ lòng dưng cầm chừ với chỉ lớn
Ta xông xáo chừ đâm mọng lung
Chiếc chiến-báo của ta chừ đâm máu
Bén tại ta chừ pháo nổ đi dưng
Ta tráng-sĩ chừ gặp thời loạn lạc
Như cá gặp nước chừ ta vẫy vùng !
(Khải-Hung - T.S.T.S.)

Người tráng-sĩ vừa biến đi, Phạm-Thái chợt
tỉnh giấc nhớ lời đời hoạt-động xưa, háng hái và
xỉ dòi :

Đâu Phạm-Thái người, nam-nhi tráng-sĩ ?
Đâu rúc rỏ ánh ngôi sao hùng-vĩ ?
Đâu đôi cao tiến lĩnh ngất trời hương ?
Đâu oai hùng chỉ mạnh dăng Tiên-sơn ?
Đâu đầu cả ?
Đâu ngọn kiếm oai linh vút đầu rơi bay
là tả ?

Ồ ta say rồi ?
Hay quanh ta mộng tỏa khắp năm trời
Ồ be chén :
Hồn thơ mộng hay là hồn chinh-chiến ?
A ha
Phương trời xa
Mây vờn qua...
Phía trời tây...
Nẻo hôn bay...

(Đang mệt mỏi ngừng lại lơ đãng rời lịm giấc,
Trong mơ, Quỳnh-Như hiện ra phơ phất và
huyền ảo lấp ló sau cây. Đèn rất dịu lò mờ,
âm-nhạc mơ màng chẳng hạn điệu : La belle
au bois dormant)

Quỳnh-Như
Nẻo vàng khói nhạt to mây
Hoàng hôn thoảng rêu buồn rây ngô đồng
Nào người thay sợi tơ lòng
Mặt mà thay nẻo to phường phỉn-gian
Sương pha gió thoảng hương ngân
Là rạn run ước đạo đàn muôn cây
Chim đùn cánh mộng cùng bay
Cây vờn ngắn bạc cùng say men hồ

Ô kia nổi một cơn dồ
 Một cơn tre với một vỏ rươn tiên
 Một người say? một người điên?
 Nơi đây rêu nhủ đường quên mơ màng
 A như chàng phải chăng chàng?
 Cõi mơ tiếp lại bằng hồng thêm mơ
 Phải chăng hồi trước làm thơ
 Vung lờ kiếm sắc đợi chờ hưng thướng
 Rồi tan mộng tưởng cuồng bằng
 Hồn tro khói lạnh lòng băng giá chìm
 Mịt mù chân đá bóng sim
 Chàng đi nhưng — mộng xa tìm càng xa
 Khi về trong cảnh phôi pha
 Vườn xưa hoa cũ đã sa cánh gãy
 Rồi điên rồi hận rồi say
 Nủ kia chàng ngược sông này chàng xuôi
 Bì dàu chàng? khuất vai tươi
 Bì dàu chàng? đã xa rồi ước mơ
 Thì là n. thơ cứ tìm thơ
 Còn mong chi nữa mà chờ đợi chi?
 Xuân àn ngợp ý từ-quy
 Vườn hoang ngẹn tiếng lâm ly gợi sầu
 Say đi cạn chén nghê ngê bầu
 Ngâm đi vẫn dàu rồi câu thêm vần
 Hoang mang thay nẻo đường trần
 Ngại ngừng thay một gót chân son hà
 Say đi chàng khoảng rừng xa...

(Có tiếng động Quỳnh-Như biến đi, Phạm-Thái tỉnh giấc vỗ về say sưa và ảo não)

Phạm-Thái

A dàu Hằng-nga
 Bàu Quỳnh-Như âu yếm của lòng ta?
 Ta là trang-sĩ
 Ngươi khát bóng một ngôi sao hùng-vĩ
 Hay là người túy mộng khát yêu đương
 Ôi Quỳnh-nương
 Sầu vương vương
 Bàu say sưa mắt dịu với môi hương
 Quỳnh-nương hỡi
 Phải chăng nàng là hui hui nơi gió thổi
 Ta say r?
 Hay trời sâu lên rộn gió ưu tư?
 Không không lẽ
 Ta đương khát mê say: lòng thắm trẻ
 Lòng thắm trẻ
 Làm sao mà lura đôi chia rẽ?
 Cho đời vắng lạnh tanh tở vợ và quạnh
 quẽ

Ta say a?
 Hay trời sâu mây gợn nét phôi pha
 (Phạm-Thái lại say mê;
 Quỳnh-Như lại hiện ra)

Quỳnh-Như

Say đi chàng khoảng rừng xa
 Chàng say thiếp sẽ ngà ngà say theo
 Chàng ơi đời vắng thông reo
 Nhân gian chìm nổi mây bèo xa chi
 Say đi chàng cứ say đi
 Tỉnh ra thêm nỗi buồn khi mộng tàn
 Say đi: là động hoa-ngân
 Non xanh nước biếc muôn vàn thắm tươi
 Gió rang nhạc nổi vang trời
 Suối trong nhịp tiếng chim cười sù sù
 non...

Rừng xa rù bóng hoàng hôn
 Tranh đời: thoáng nét có thôn khói mờ
 Say đi chàng cứ làm thơ
 Đành không thắng nổi nước cờ bại vong
 Thì long đong cơ long đong
 Chàng qua hỏa loạn một vòng nhân sinh
 Bất thần ngang sức gươm linh
 Chàng danh trảng-sĩ tại danh thi-hào
 Mực tươi đời với màu đào
 Cũng hào nhưng để ai nào hơn ai
 Đất còn mê tit lần quay
 Trần gian ai tỉnh ai say hơn chàng?
 Vinh hoa phú quý rộn ràng
 Chàng qua là giấc mơ màng chiêm bao
 Say như chàng chẳng lao đao
 Lao đao chàng, kẻ khát khao mù đời...
 Hương đêm thoảng tự ven trời
 Thiếp về nương chốn thiên-thai đợi chờ
 Mai sau mãi đến bao giờ
 Trần gian vẫn niệm lời thơ chứng minh
 Bất thần ngang sức gươm linh
 Muốn năm đời sẽ ghi tình thi-nhân
 Dù cho đời lịch đương cân
 Giàu kho vô tận tình-thần chàng say
 Thân còn nát với hoa cây
 Hoảng chi tiền bạc bèo mây nổi chìm...
 Nước trôi chừ lặng lẽ im
 Hương theo lối gió chim tìm đường mây
 Thôi, thôi chàng thiếp đi đây
 Chàng say lại cứ mê say đi chàng
 Sương vương nhạt anh tở vàng...

(Có tiếng động Quỳnh-Như lại biến;
 Phạm-Thái lại tỉnh giấc, bàng hoàng
 chưa chút)

(còn nữa)

PHAN KHẮC-KHOAN

Hãy im đi những kẻ ích kỷ, những kẻ lười
 biếng, những kẻ chây ãi.

Phát-minh

Người đời, nhất là người
 bây giờ, ai cũng ham chuộng
 những cái mới lạ. Nhưng
 muốn có những cái mới lạ,
 cần phải có phát-minh. Chàng
 phát-minh, mới lạ bởi dàu
 mà sản-sinh ra được? Vậy
 làm sao cho có phát-minh,
 đó là một vấn-đề trọng-yếu.

Có nhiều người cho rằng
 sự mô-phỏng là bước đầu
 của sự phát-minh. Thực ra,
 mô-phỏng với phá-minh trái
 hẳn nhau. Nhà phát-minh
 nguyên không phải là nhà
 mô-phỏng, mà nhà mô-phỏng
 không làm nên được nhà
 phát-minh. Phát-minh là
 sáng-tạo ra cái mới, còn mô-
 phỏng chỉ là sao-dập những
 cái đã có sẵn rồi. Đã là sao-
 dập thì chỉ đều là những cái
 cũ, không bao giờ gọi là mới
 được. Những kẻ chỉ biết đi
 sao-dập của người, chỉ là
 đeo những bộ mặt giả của
 văn-minh vật-chất mà thôi.

Đã là kẻ chỉ đeo những bộ
 mặt giả văn-minh vật-chất,
 thì không bao giờ tự sáng-
 tạo ra được cái văn-minh vật
 chất. Vậy người tự trọng
 bỏ cách mô-phỏng mà luôn
 luôn đi lên con đường phát-
 minh. Bằng ở lẽ ấy tôi muốn
 cùng các bạn nghiên-cứu về
 vấn-đề phát-minh. Cái yếu-
 điểm trong vấn-đề này, là
 xét xem sự phát-minh ở
 phương Tây đã sản-sinh ra

bằng cách nào? Lực-lượng
 phát-minh của phương Tây ở
 nước ta có không? Nếu có thì
 còn gì hay không. Còn quả
 không có thì ta nên kịp phải
 gây nuôi cho có.

Muốn gây nuôi cái lực-
 lượng ấy thì nên dùng
 phương-pháp nào? Đó là một
 điều mà chúng ta cần phải
 chú ý đến trước hết. Muốn
 được các bạn cùng nhận
 chân việc ấy, tôi xin nêu lên
 hai điều đáng nên bàn xét ở
 dưới đây:

I. — Các sự phát-minh ở
 phương Tây đã sản-sinh
 bằng cách nào?

Muốn hiểu rõ các sự phát-
 minh ở phương Tây đã sản-
 sinh bằng cách nào, trước
 hết nên chú ý về một việc:
 đó là nền phát-minh — văn-
 minh vật-chất — của phương
 Tây là một cái kỳ-tiến trong

một trăm năm gần đây. Như
 đèn điện, hiện nay là thứ
 dùng phổ-thông; nhưng
 người phát-minh ra đèn điện
 là Faraday (1791 — 1867) mới
 cách đây chỉ độ hơn 70 năm.

Thuật chiến binh, cũng
 điện-báo, điện-thoại cũng
 mới có chừng hơn 50 năm
 Hơn nữa như «Tiền-hóa
 luận» của ông Đại-nhi-văn
 đứng trên cả các nhà phát-
 minh, cũng chỉ mới độ ngót
 80 năm nay. Vì sao trước đó
 bao nhiêu niên đại chẳng có
 nhà phát-minh nào? Bằng

niên trong khoảng chỉ vài
 ba chục năm lại k-tiếp sản-
 sinh nhiều nhà phát-minh
 như thế ở Trung-quốc trước
 đây hơn 2500 năm đã có
 Không-tử, Lão-tử cùng bao
 nhiêu nhân-vật văn-minh
 tinh-thần. Cũng bởi vậy nền
 văn-minh tinh-thần ở Án-độ
 đã thịnh-dạt lắm, vậy mà
 từ đó đến nay vẫn chẳng có
 văn-minh vật-chất, «hỉ riêng
 có phương Tây trong khoảng
 một trăm năm xây dựng được
 nền văn-minh vật-chất, trước
 kia chưa có, đó là vì cớ gì?

Muốn tìm nguyên nhân ấy,
 phải xem lịch-sử phương-
 Tây trước năm 1800 Trước
 đó người phương Tây làm gì?
 Trước đó cùng sau này có
 quan hệ làm sao? Có xét
 được rõ ràng mới hiểu rõ nền
 văn-minh phương Tây đã sản

Bô thân tiêu độc

Thuốc lọc máu, tiêu hết
 nhiệt độc nguyên là do đi
 độc hoa-liệu phát ra.
 Hộp 0p80. Nửa tá 4p00,
 cả tá 7p50. Xa mua linh
 — hoa giao ngân —

NHA THUỐC TẾ-DÂN
 N. Lý Hưng Bông Hanoi

Saigon: 81a, Nam-tiền 42P. Bhan-
 chày đại lý của thư thuốc Tế-dân

sinh được bằng cách nào vậy.

Phương Tây trước năm 1800 và từ đó về sau, có chỗ không giống nhau. Trước năm 1800, phương Tây chia sự chi phối của tôn-giáo rất sâu. Tôn-giáo ấy, dần dần mới có người nhẩy ra ngoài phạm vi tôn-giáo. Văn-hóa của phương Tây trước năm 1800 chỉ có một cái nguyên động lực, hết thảy đều chịu tôn-giáo chi phối.

Đến cuối năm 1800, văn-hóa phương Tây mới có cái nguyên - động lực thứ hai sinh ra.

Quán điểm của tôn-giáo đối với loài người là ở tinh thần: muốn phát đạt tinh thần tất phải đề nén thân-thể. Khi tôn-giáo ở phương đông truyền sang Âu-châu, về phương-pháp đề nén thân-thể lại càng nghiêm ngặt lắm. Nhân vi thấy người phương Tây lúc ấy còn giữ-man, lại vì lẽ quan hệ về địa-lý, đất liền ít, nước bề nhiều, thân thể rất hay hoạt động, trong việc truyền giáo, đem thân đạo dẫn dắt bắt buộc họ phải tự đề nén thân thể để cầu cái sống vui sướng về tinh-thần. Dăm trăm giáo-lý ấy, nhân dân đời nọ qua đời kia đều vui lòng chịu sống

cái đời vất vả khổ khan không nghĩ gì đến sự hoạt động ở bên ngoài nữa. Thấy giáo lý ấy có cái công dụng khiến cho nhân dân cúi đầu yên phận, để vương các nước liên lại dụng để giúp cho sự cai-trị được dễ dàng. Họ ra sức giúp đỡ cho tôn-giáo. Trong có tôn-giáo, ngoài có các đế-vương, hai đảng thi-hành việc đề nén thân-thể của nhân dân như thế, nên cái thời gian mấy trăm năm trước năm 1800 ấy, hành vi và các chức nghiệp của người phương Tây, tuyệt nhiên chẳng có biến hóa gì. Đã không có biến hóa làm gì còn có phát minh?

Đến cuối năm 1800, tình hình bỗng xoay trái hẳn. Vì sẵn có cái tiềm lực về thân thể, bỗng có nhiều người không chịu bó buộc, theo nhau đem ra để tìm lấy các cái sung sướng về vật chất. Các nhà phát minh kế tiếp ra đời.

Từ sau cuộc cách-mệnh ở nước Pháp (1790), tiềm lực về thân thể của người phương Tây lại càng phát đạt mau chóng. Sự phát đạt ấy đã gây nên cái nguyên động lực về văn minh vật chất cho phương-Tây. Đó là cái nguyên động - lực thứ hai

trong nền văn-hóa phương Tây vậy. Từ sau thế kỷ 19, các sự phát minh về vật chất như muốn hoa đua nở: đèn điện, xe điện, xe hơi, tàu thủy, v.v... không cái gì là không do cái nguyên động lực ấy gây nên vậy.

II. — Phương Đông làm thế nào có thể sản-sinh được các nhà phát-minh?

Xem vậy thì phương Tây sơ dĩ có được sự phát-minh là do cái sức ngầm về thân-thể bị đề nén lâu ngày bỗng nổi lên. Còn phương Đông này có cái sức ngầm ấy không? Người phương Đông bị sự đề nén của tôn-giáo và chính-trị, càng lâu đời hơn, làm sao lại không sản-sinh được các nhà phát-minh. Nói ngay như Trung-quốc, cái cách đề nén về nền cai trị quân-chủ sớm đã thoát ly, cách đề nén về tôn-giáo cũng đã giải-phóng, nếu quả có cái sức ngầm ấy, thì nhân dịp họ nổi bang lên, ra sức về vật-chất cho có được các sự phát-minh mới phải. Vậy mà trái lại, không những không có phát-minh, lại gây nên cuộc đại loạn.

Vì có cái thân-thể người phương Đông ở dưới quyền quản-lý của tôn-giáo và

chính-trị lại không có cái lực-lượng ngầm ngầm như người phương Tây? Đó là vì ba nguyên-tố: địa-lý, thân-thể cùng tôn-giáo và chính-trị hoàn-toàn khác hẳn nhau. Phương Tây nước bề nhiều, đất liền ít, vật-chất tự nhiên rất hoạt-dộng, sức kích-thích mạnh, nên thân-thể thường có dịp phản ứng sự hoạt-dộng. Cũng vì thế mà tôn-giáo và chính-trị phải thi-hành cách áp-bách nghiêm-lệ để ức-chế đi. Người phương Tây dù ở dưới sự ức-chế của tôn-giáo và chính-trị, nhưng sự hoạt-dộng của thân-thể cũng vật-chất giao cảm nhau, trước sau không bao giờ ngừng, nên có thể ngầm chứa lực-lượng mà nổi lên cuộc phản-dộng.

Dần-dần phương Đông ở trên có đại lực, những vật-chất tự nhiên không hoạt-dộng, sức kích-thích lại yếu hơn, nên thân-thể phản ứng cái dịp hoạt-dộng thiếu ửng. Vì thân-thể thiếu cái dịp do phản ứng vật ngoài mà sinh hoạt-dộng, thành ra lại khuếch hướng về con đường đưa heo sự kích-thích về nội bộ mà đi. Dù dựa theo sự kích-thích về nội bộ mà hoạt-dộng, đối với tôn-chí của tôn-giáo không trái nhau, cho nên sự áp-bách của tôn-giáo và chính-trị so với

phương Tây có phần ôn-hòa hơn, chỉ hoạt theo tích-chất của thân-thể, khiến chúng cứ dựa vào sự kích-thích của nội-bộ làm chủ-dộng mà thôi, cũng vì thế mà đối với vật ngoài hoàn-toàn đoạn tuyệt. Bởi có ấy, sức nhiếp-dẫn của thân-thể, vì không dùng mà tiêu-diệt đi, trong năm ngàn năm nay thân-thể người phương Đông hoàn-toàn không ngầm chứa được mấy may lực-lượng.

Nói rõ ra, về thân-thể người phương Đông với thân thể người phương Tây có chỗ khác nhau, cho nên cách thi dụng chính-trị và tôn-giáo của người phương Đông cũng khác với người phương Tây. Phương Tây chuyên về mặt ức-chế thân-thể. Phương Đông thì chuyên về mặt ức-chế nội-tâm. Ức-chế nội-tâm bằng cách nào, tức là «lễ-phép», chỉ ho tinh-thần hoạt động ở trong cái phạm-vi «lễ» hờ ra khỏi ngoài phạm-vi ấy là bị ngăn trở ngay.

Vì vậy, phương Tây thì ngầm chứa cái sức về thân-thể, còn phương Đông bị ngầm chứa cái sức về nội-tâm. So sánh hai cái sức chứa ấy, thì tâm lực của người phương Đông nhiều hơn thể lực của người phương Tây. Vì có sao? Vì

văn-hóa của phương đông có dè lâu đời, nên sức chứa cũng nhiều hơn vậy.

Nhưng tâm-lực của người phương đông chứa được càng nhiều thì những dịp gây nuôi thể-lực bỏ mất đi cũng càng nhiều. Vì nội tâm đã bị lệ pháp ức-chế, thì thân thể đối với mọi vật cũng do đó mà ít được tiếp xúc. Đã ít xúc tiếp với ngoại vật thì còn bởi đâu mà sản sinh được lực lượng phát minh những văn-minh vật-chất?

Những sự phát minh mà người phương đông đã có là văn-minh nghệ-thuật. Văn-minh nghệ-thuật là những phần biểu hiện về tâm-lực. Thứ văn-minh ấy dù được phong-phú như âm-nhạc, hội họa, thi-ca, điêu-khắc, kiến-trúc cho đến tâm-lý, đạo-đức đều phát đạt đặc biệt, nhưng đến những phần phát minh vật chất, đã không là phát minh vật chất e lại thành ra những cái ngăn trở cho phát minh vật chất nữa. Vì ở trong nền văn-minh nghệ-thuật ấy, thân thể chỉ biết cung-ứng các cái kích-thích có hạn cho nội bộ, không biết tiếp nhận sự hoạt động vật chất. Như vậy, tất nhiên cái thể lực càng dùng càng hết đi, thì gift cho khỏi hãm vào vòng nguy hại, còn khó thay, còn nói gì đến sự sản-

Nhà xuất bản: HAO - QUANG

Trụ sở: 62 Bonard Saigon — Giám đốc: Đỗ Ngọc Quang
MUỐN BIẾT NHO PHONG SĨ KHÍ TA XUA HẸY ĐỌC:

giá: 4\$50 **NHÀ NHO** của Chu Thián

Một thể hệ. Một nhân vật... Và cả một linh hồn!
15 octobre 1948 sẽ có bán khắp mọi nơi
TỔNG PHÁT HÀNH HANOI: HÀN THUYỀN, 71 PHỐ TIỀNSIN

Truyện giải trí «Sáng»

ĐÃ CÓ BẢN:
MỘT GIA - BÌNH YÊN HOANG ĐÀO
của Nguyễn-xuân-Huy Giá 1p45
Đầu tháng octobere có bản:
BÀ CHÚA RỪNG MẠI TRĂNG của Việt Tinh
NGƯỜI KHÍ ĐÓN CỎI: của Việt Tinh

NHÀ XUẤT-BAN «SÁNG» 46 Quai Clémenceau — Hanoi

GÓN MỘT H:

CÓ THUY
của Nguyễn khắc Mẫn Giá 3\$20
GIÁC QUAN THỨ SÁU
của Ngọc Hữu giá 0p40
ĐÔI BÍ MẬT của CON KIẾN
của Phạm văn Giao Giá 0p50
SÁP CỎ BẢN: HỒN QUÊ

sinh được các nhà phát minh vật-chất.

Vậy thì ngày nay muốn cho sản sinh được các nhà phát-minh vật-chất thì phải như thế nào?

Chỉ có cách là ở ngay khi thân-thể tiếp-xúc những ảnh hưởng về vật chất như bây giờ, nên làm cho phát-dạt cái sức đồng-hóa. Sức đồng hóa về thân-thể đã phát-dạt, tự nhiên biết thu dẫn vật-chất, vận dụng vật-chất. Trước kia bố buộc mình trong cái phạm-vi hẹp hòi, làm cho ngũ quan, tứ chi hầu như vô dụng, bỏ mất lực lượng tiếp nhận văn-minh vật-chất, ngày nay kịp nên đổi hướng thay chiều, tôn trọng ngũ quan, tứ chi của mình cho tới vật thể. Gọi là tôn trọng thân-thể cũng vật thể, không phải là khiến thân thể đối với vật ngoài là bị động dấn, chính là làm cho thân-thể đối với vật ngoài là tự động hẳn. Khi tiếp xúc vật ngoài thân-thể đã tự động tức là biết hoạt-động, sức đồng hóa của thân-thể mới có thể phát dạt được. Hễ sức đồng hóa của thân thể đã tới lúc phát dạt, tức là sản sinh được các nhà phát minh.

Sau đây xin dẫn lời nói của một nhà dục phát-minh cho được rõ thêm điều kể trên và làm lời kết luận:

« Muốn có phát-minh, là phải gây cho có sức hoạt-động cả tâm-lực và thể-lực đối các vật thể tự nhiên, và cả hai đều không chịu một cái gì bó buộc. Đem hết sức mình hoạt-động với các vật thể, thế nào cũng có sự phát minh. »

SỞ-BẢO

Hỡi anh em Lạc - Hồng !
Cùng nhau quyết một lòng
HÁT THUỐC LÃO ĐỒNG LÍNH
Cho tỉnh giấc mơ mộng
THUỐC LÃO ĐỒNG-LI - H
238, Đầu Cửa Nam Hanoi

ĐÃ CÓ BẢN :

NGUYỄN TUÂN
QUÊ HƯƠNG

512 trang, in đẹp
Bản thường 5500
Bản Giỏ vàng (hết)
Bản Impérial đại
la 20\$00 (còn một
số ít).

ANH-HOÀ
69, Rue du Charbon, Hanoi

THUỐC CAM SÂM YẾN

là một thứ thuốc bổ cho trẻ em, trẻ bệnh kén ăn, người già ốm, mặt hồng, da vàng, nên dùng thuốc này sẽ được bổ tỳ tiêu cam hay ăn chóng nhừ thêm sức khỏe cần dùng lại sau này : Ninh Bình, Vinh, Nam Định

nhà thuốc: THAI CỎ
52, Hàng Bạc — Hanoi

Bồi-đức-Dậu

TU-PHÁP KẾ-TOÁN
GIAM-ĐÌNH VĂN-PHONG
49 Place Neyret Hanoi Tel.1372

NHẬN :

- a) Mỏ, giở, kiểm - sát số - sách thương mại ;
- b) Lập hợp-đồng, điều-lệ các công-ty ;
- c) Khai thuế lợi-tức-địa-niên ;
- d) Xin giá Hối-đồng-hóa-giá ;
- e) Khai xin vào sổ registra de commerce.

Bích Nga phục hận

của THANH-DÌNH
Cổ Bích Nga, nàng Bích châu,
Người nhàn trảng có nhiều
đoạn rất lý thú (2480)
SÁCH CÒN ÍT :

Lê-như Hồ (Ng. N. Thông 0p80)
Tiểu sơn Vương (Thanh-dinh
— 2p.00)

Đôi mắt Huyền (P.C. Công 1p80)
SÁCH ĐƯƠNG IN :

Nhà trình Thám 13 tuổi (Phạm
Cao Củng) Đóa hoa Thôn (T.Đ.)
Bát quang kì m hội (T. Đình)

Editions BAÛO NGOC
67 NEYRET HANOI — TEL: 786

BỎ THẬN TÂN-Y

26, Phố Hàng Long, Hai oi

Kiên tinh, cổ khí, trị bệnh
thận-hư : di, mộng, hoạt
tĩnh, giá 2p. Nhận chữa
khẩn bệnh phong tinh.

Thuốc Lại 1p.
Giang Mai 1p.

**Các thứ thuốc trị
bệnh rất mau khỏi**

Tiểu ban giải nhiệt tán. — giải
nóng trừ ban, hay đại minh đồ
bổ hời trộm cho trẻ em hay
vô cũng mỗi gói 0p20.

Thuốc ho bổ phổi hiệu trái
đào. — trị dứt các chứng ho dù
lâu mau nặng nhẹ ráo cổ ngậm
đều khỏi cả lại giúp cho người
phổi yếu hay mệt mỗi hộp 0p40.

Từ thời cực ẩm mao tán. — trị
nóng lạnh nhức đầu cảm sốt mũi,
cảm nắng mưa mỗi gói 0p20.
PHƯƠNG NAM Y VIỆN

MỸ-THO — NAM-KY
Bắc kỳ do N. G. VĂN-ĐỨC

11 Rue des Caisses Hà-nội
Nam-kỳ : Nam Tiến Tân định
Saigon — Mỹ-tho : Nam cụ
thư xở Chợ lớn Saigon: Nam
hải và khắp nơi đều có bán.



TRUYỆN DÀI của TỪ-THẠCH
(Tiếp theo)

Nhưng việc của Thiện chẳng thể bỏ qua như mọi truyện khác. Nào đâu là cô nữ sinh kiêu mầu của trường Phan Kế Bính? Nào đâu là một thiếu nữ có công dung ngôn hạnh?, đào-ạo bởi một trường trù thực có tiếng nhất Hà-thành? Phải cứu lấy tình-thế! Dù sao ban Hội-đồng cũng phải bênh vực sự xét đoán của mình. Ngay sáng hôm sau, Tâm tuyên bố với học-trò :

— Chị Thiện vì một sự lầm lỗi cần phải xét lại nguyên-do, vậy ông giám-đốc hãy tạm thời đuổi chị ấy và cắt học bổng đi. Sau này xem ra nếu không có lỗi gì tự mình, thì mới lại có thể cho vào học được như cũ.

Cả lớp đề đồn mất vào Thiện, nhưng nàng đã không có mặt ngay từ sáng. Chính Tâm, nói như trên là việc phải nói, nhưng hẳn đã để ý đến sự vắng mặt của Thiện từ trước, ngay khi mới vào lớp.

Vì thiếu vắng chính, nên các cậu học-trò coi tận kịch như đã bỏ màn, không sơn sao mấy nữa. Tâm thấy được ý lòng dốt nát, và chàng cũng tìm cách không để học trò còn từ tưởng đến truyện

ấy làm gì. Nó cũng như một cái bóng thoáng hiện trong niên học mà thôi. Nơi giao dục những đàn em nhỏ lại rập riu vui vẻ.

Bằng di một giọng, một hồn Tâm nhận được một phong thư. Boc ra coi, ấy là lời của Thiện :

« Kính mời thầy, đến chiều chủ nhật lại nhà con ăn bánh ngọt và uống trà để mừng ngày ăn hỏi của con. Con đã nhận lời lấy anh Nguyễn-đình-Nam, học ở ban Tú tài trường ta do thầy ạ. Chính anh Nam đã viết thư cho con và đã khiến son sáo cả dư-luận các anh chị trong trường. Nguyên-nhân chỉ là một truyện ghen-tuông vô lý. Con bộp với tình tình anh Nam nên con nhận thư anh

ấy, trong khi đó thì một kẻ khác — con xin giấu tên — nhưng cũng là nhân viên trong trường muốn trao đổi tình thư với con. Lễ tất nhiên con từ chối, vì lòng con đã có bạn rồi, nhưng kẻ đó ghen, giận, tức. Hắn đã thuê đứa nhỏ ấy tìm dịp để bêu xấu con. Trùng vào buổi đó, anh Nam có hiện thư cho con — từ mà thầy đã đọc — con nóng lòng muốn biết anh nói gì, ngờ đâu, đứa nhỏ đã thừa cơ làm vỡ truyện. Buổi chiều hôm đó về, con ăn năn, đau đớn lắm, ăn năn vì nóng nảy, đau đớn vì làm phiền lụy thầy và vì hồ thẹn riêng cũng có. Hôm sau con không đi học thì thầy mẹ con hỏi tại sao? Tiến thoái lưỡng nan, con đành liều thú thật với mẹ con. Sung sướng chưa! Mẹ con yên lặng một chập, sau hỏi con một cách điềm đạm lắm (con đã tưởng mẹ con đánh; ai ngờ). Mẹ con nói :

— Nó là con cái nhà ai? Người tử tế hay thế nào? Con cứ nguyên văn trong thư của anh Nam đã viết cho con bày tỏ cả gia thế thế nào mà nhỏ nhẻ thua. Mẹ con bảo hôm nào đưa anh ấy lại chơi. Thế là việc của con thành. Thầy ơi! Thầy ông

MẠNH CHI MẪU

SA-SAO-KA — JAPAN

THUỐC

BỒ HUYẾT ĐIỀU KINH
Nhật - Bản

là thứ thuốc công hiệu nhất trong các thứ thuốc Nhật. Chứa khi hư — khi kinh nguyệt nhứ đau, một mặt — đau bụng — chữa đau da con — chữa băng huyết — tiểu sản hậu sản.
Bản buôn bán lẻ tại :

KIM ANH

218, Coton (Cửa Nam) Hanoi

cho con với. Con chỉ còn chờ ngày, anh Nam thì nổi phần thứ hai bề để là chúng con làm lễ cưới ngay. Giờ đây, con kính mời thầy, chỉ gọi là dự một cuộc vui nhỏ, để thầy quên cái điều đã phiền lụy thầy ngày trước và để thầy mừng ngày đoàn tụ sắp đến của chúng con.»

Tâm đọc xong thấy vui vẻ, và nghĩ cũng chẳng cần phải đưa cho ông giám đốc xem làm gì, sợ ông lại phiền lòng về chỗ nhân viên trong trường Phan kế Bình lại ghen với một cô học trò, vì trao đổi tình thư không được!

Còn truyện không biết lan ra ngoài nghề thế nào mà cả trường lại ngờ vực Tâm có dính líu vào vụ thư tình bí mật ấy. Người ta ngờ Thiên phải thôi học, chẳng qua cũng là bởi Tâm có ý từ trắng hoa gì, mà nàng phản đối nên mới ầm ĩ lên thế. Thực đau đớn cho Tâm. Họ cần cứ vào sự thay đổi ít nhiều trong cách trang điểm của Tâm ít lâu nay. Anh chàng đã cạo hần bộ ria mép đi và nâng chải đầu bằng «gôm» cho tóc lặt lều, nên khuôn mặt cũng sáng ra đôi chút và trẻ đi được vài tuổi. Sự làm dáng ở một thanh niên lâu nay vẫn có vẻ cũ-kỹ

tất có động-lực gì, nếu chẳng phải là động-lực ái tình?

Mặc dầu, Tâm vẫn giữ thái độ im lặng để trả lời sự ngờ vực đó. Song đã sao, tình trạng ấy cũng khiến cho các bạn đồng nghiệp trừ một vài người thân thân thiện với Tâm, còn hầu hết đều với hân kém bề ưa đãi. Trong số ấy có cả ông phó giám đốc là người mạnh mẽ nhất hồi đồng trị sự. Tâm biết như thế có thể thiệt hại cho mình lắm, vì cả cái địa vị của Tâm là hững hờ ở trong tay ông phó giám đốc. Chỉ một lỗi nhỏ, một sự bất bình con con, ông buông tay ra là Tâm mất việc. Đã có một đôi lúc, hân có khéo léo, lại chơi nhà ông đốc, và không khỏi vuốt ve sắc con ông, cậu vào có nào trông cũng thông minh, sau này hân làm nên sự nghiệp cả. Hân lại nhớ mua cần nhô hay hộp bút-quy bạc-ti-bơ cho chúng, nhưng về nhà nghĩ lại thì Tâm thấy nhục-nhất quá. Vì miếng cơm manh áo có khác. Những nghĩ trong cái triết-lý cao-ký lãnh đạm của Vigny mà Tâm ưa đọc tiểu tân đầu mắt cả. Hân buồn rầu nhìn thấy mình chẳng qua cũng một cái triết lý dạ-giây mà thôi.

Tâm thấy mình nhục nhẽ biết rằng hậu vận mình ở trong tay Tru, nên cứ nuốt tủi nuốt nhục mà nhịn nhịn. Nhưng cứ mỗi khi ở nhà Tru về, thì Tâm lại thấy một cái gì phần nực tự dưng bề giấy. Ấy là một chủ liêm sĩ nóc cần rứt, là bố lăm.

— Tru nó hơn gì mình, nó chỉ có giản thôi! À phải nó giản! Một cái bon đồ bao trùm tất cả mọi cái hơn khác chẳng thể sao là phó giám đốc mà thực quyền nó là tổng giám đốc độc tài? Chỉ chỉ có tên là ông đốc nhất, và chỉ từ khó nhọc tiếp đãi và nói nhào với các phụ huynh học trò, chứ quyền hành gì? Tâm nghĩ thươg mình lại xót xa cả đến thân phận các bạn đồng nghiệp, nhất ở ban sơ-học. Ông thôi lúc nào tùy ý, chỉ một cần kéra cần dưng đến thầy giáo có bằng thành chung là ở đầu ừ đến hàng trăm. Giấy ghi, giấy tháng tha hồ, nhưng lựu chung số lương cũng không quá sự trừ tính của ông phó giám đốc sơ sài số bốn hay năm chục trở về.

Giá bây giờ Tâm có thể...? Hân nghĩ đến cô Nga con bà chủ nhà. Một cái mỏ khá dĩ

nuôi sống hẳn cả đời không phải đi gầy học nữa, không phải lo lắng lỵ người ngoài. Dù sao luôn lỵ về vẫn kin dao và dễ chịu hơn! Hân nghĩ đến gia đình một người anh họ. Thuyết, con bà bác, thất nghiệp đến năm ba mươi tuổi. Năm ba mới cũng chán, tháng tháng chỉ có năm đồng bạc của người anh cha đi làm ở xa gửi về cho. Năm đồng bạc, hồi tiền cái gì ra món? Chung quy

giền. Ý-nghĩ của cha mẹ Thuyết cũng giống ý nghĩ của Thuyết. Thế là họ không phải dựa vào nhau mà họ cùng có một mục đích: tìm một cô con gái nhà giàu. Họ là người khôn ngoan nên trong cái mục đích ấy họ nhận những cái số đoán của mình để mà biết đường đi. Như hoàn cảnh Thuyết: cha mẹ thanh-bạch, anh ấy không đồ đại gì, lại chưa có công ăn việc làm, những

ám. May thay! Hay cũng là duyên số đưa đến, một nhà có con gái xầu xí đã luống tuổi, nhà thực giàu buôn sọt ở Hanoi đang cần rể. Do một bà có mối man, trai gái xem mặt nhau và bằng lòng, thực phúc cho anh lại được cái bảnh trai, nên việc thành hôn rất chóng. Chỉ trong có hai mươi bốn thời. Thế rồi mà anh Thuyết năm ba mươi còn thất nghiệp, ngửa tay xin mẹ từng hào, năm ba



mười ba đã là một thương-gia giàu có. Nó cao đầu, cũng phải công nhận nhiều nét ở anh, nét thứ nhất là tính nhân hậu. Năm đầu, bạc gia tuy nhiên không đã đồng gì đến việc gây dựng cho rẽ đứng như lời đã giao kết. Cha mẹ và Thuyết đã gom góp, hơi uất. Không khéo mình bị lừa mất! Một năm, ba trăm sáu mươi nhăm ngày chờ đợi cái tin: ông bà nhạc mới

mong mỗi được sống đầy đủ hơn, nghĩa là có vợ, có gia đình. Cha mẹ anh cũng hiểu biết sự cần dùng đó là khôn ngoan. Nhưng ở tin thế anh thì làm thế nào lấy được vợ? Ý rằng vợ giàu, vì nhà anh nuôi báo có anh mãi đến ba mươi tuổi cũng là quá sự chiều dài rồi, giờ lại rước một người đàn bà nữa về để ăn tổn cơm hay sao? Tất nhiên phải tìm một người không ăn hại nghĩa là có

điều kiện để lấy vợ giàu anh hầu hết gần thiếu cả chứ có mỗi một khoản mà người nhà gái bây giờ cũng không quan tâm lắm: anh là cháu một ông quan, con một ông

bai cụ lại nói chuyện muốn mở cửa hàng cho vợ chồng anh Thuyết, ba trăm sáu mươi nhăm ngày ăn đường số ruột quá. Đã thế vợ Thuyết lại «đá», hồi môn mang về được mấy lượng vàng và năm ba trăm các ông bà ấy mừng cho thì có ả găm vào lưng nhất định không hơ ra.

Chồng thiếu tiền tiền? — Xin mẹ!

(Còn nữa)
TỰ-THẠCH

Tủ sách quý

GIÓ NÚI (của Ngọc Cẩm)	1p20
TÌNH TRƯỜNG (của Lê-văn-Huyền)	1p30
MỘT TRUYỆN TÌNH LỬA NẤM VỀ TRƯỚC (của Lưu thị Hạnh)	1p20
CHIM THEO GIÓNG NƯỚC (của Tạ Hữu Thiệu)	0p70
QUÊ NGOÀI (của Hồ Bá Ph.	5p và 5p

Những sách trên đây đã được hoan nghênh nhiệt-liệt. Mua ngay kẻo lại hết cả, NHÀ IN A-CHAU XUẤT BẢN 17 EMILE NOLLY HANOI TEL. 1260

Trình thẩm

VỤ ÁN MẠNG KHÔNG CÓ THỦ PHẠM (của Ngô văn Tý)	2p50
ĐẮC GHI MẬT (của Ngô văn Tý)	1p00
LỖ GIÁ ĐÈU KINH BÊN (của Trần văn Quý)	2p00
MÓN NỢ KÝ KHÔNG (của Ngọc Cẩm)	1p00
NGƯỜI THIẾU NƠ KÝ ĐI (của Ngọc Cẩm)	1p30

Cong giáo

PHANH NIÊN TRƯỚC VẤN ĐỀ TRONG SÁCH (của Nguyễn-Đ.	1p00
Điều tra của đức giám mục J.B. Nguyễn bá Tông	
Tủ sách phiêu lưu	
MƯỜI TÊN THỦ (của Ngọc-Cẩm	0p80
PI ẮI MẠI (của Ngọc-Cẩm)	1p50
Còn nhiều thư sách hồi các loại	

Các bạn cần phải đọc:
TRIẾT-HỌC
ĐẠI-CƯƠNG
của QUỐC-Học-TRU-XI - GIÁ 3p00

LÊ-VĂN KHÔI

LỊCH-SỬ TIỂU-THUYẾT CỦA HỒNG-PHONG

(Tiếp theo)

Nguyễn-văn Trọng giết mình, tin là sự thực, lại thấy trời gần tối, sợ mắc gian-kế của giặc, vội-vàng hạ lệnh thu binh.

Thái-công-Triều can:

— Tướng-quân cho đánh một chập nữa thì bắt được thắng Khôi chắc chắn, cớ sao lại bãi chiến thu binh?

— Huê ta chinh chiến đã nhiều, không cần phải nhà người về khôn. Nếu nhà người có giới, chắc đánh một lúc nữa bắt được thắng Khôi, thì làm quân-lệnh-trang đi.

Triều cái mặt làm thinh. Một người đã ham sống sợ chết, phần vua phần giặc tôi đòi ba lần, khi nào dám làm quân-lệnh-trang.

Nguyễn-văn Trọng hu binh, cắm trại ở trước đồn Hòa-phong.

Lúc thấy hàng ngã-phía sau b'nh triều chuyển động. Khôi định chắc Nguyễn-văn Trọng rục-rịch lui quân, lại làm bộ bỏ hết thức-giuc tướng-sĩ Gia-định đánh giã, để tỏ ra sức mình chưa đuối.

Binh triều rút đi hết rồi, bấy giờ Khôi mới chỉnh-đội kéo về trong thành.

Tính lại, Gia-định thiệt hại chừng 600 quân và một viên đại-tướng. Chưa kể thủy-sư cũng vì lễ quá bất lịch chúng mà phải bại trận ở Giao-khẩu; ngó bầy chục chiến-thuyền bị Trần-văn Năng đốt phá, không còn mấy chiếc nguyên lành.

Bọn Lưu-Tin và Mạch-tấn Giai từng thế, bỏ cả chiến-thuyền để cứu lấy quân sĩ và ít nhiều khí-giới, càng nhau lên bộ, chạy về thành Phiên-an sau Khôi độ vài giờ đồng hồ. Thủy-sư Trần-văn Năng thừa-thắng tiến vào đóng chốt ở trước Tại-nghe.

Tuy vậy, binh triều đánh nhau trên bộ với quân Khôi, tổn thất cũng nặng, có lẽ nhiều gấp đôi. Chính mắt Nguyễn-văn Trọng ngó thấy quân lính Gia-định đứng cam lều chết, người nào cũng lấy sức một chọi hai ba, không coi nguy hiểm tử-sinh là gì. Đó

cũng là một cớ khiến Trọng nhân trời sắp tối că quyết thu-binh, sợ vương phải sự bất trắc.

Vào thành, Khôi chẳng nghĩ-ngợi gì cả. Con người đầy nghị-lực hình như gang sắt rèn đúc, càng nện càng thấy rắn. Bước xuống mành ngựa, vào ngay công-phủ, chỉ húp-một bát nước cháo của quân-lính vào nẫu chín, đủ lấy lại hơi sức, rồi vội các đồng-chỉ huy quân-sư hội-nghị khẩn-cấp. Trần-lĩnh tự nhiên, Khôi nói:

— Chẳng nói, anh em cũng thừa biết quân triều tấp-bao-vây chúng ta tình-thế ta phải làm cớ-thủ thành này để chờ cơ-hội Trương cao hao sức, tướng sĩ cùng lòng quyết đấu, cớ địch không làm gì nổi. Tôi và Tăng tiên-sinh đã có phương-lược nay mai giải-thoát cuộc nguy này. Hiện tại chỉ là van-đề hết sức giữ-tanah, cần hẳn anh em đồng tâm cùng lực với tôi?

Chư tướng cùng nói:

— Vâng! Chúng tôi thế hết sức phò tá đại-huynh; chừng nao binh triều có thể đi trên thấy-ma chúng tôi thì mới vào lọt được thành này...

Nghe chư-tướng nói những tiếng « đi trên thấy-ma chúng tôi mới vào được thành » Khôi cho là điềm tốt, trong tham-y không vui, nhưng ở đề-nén, bề ngoài vẫn giữ vẻ hăng hái mạnh bạo như thường:

— Việc chiến hay thủ đều cốt ở nhân-tâm; Khôi nói. Tướng-sĩ ta quyết-làm như thế là quý lắm rồi; chúng ta cứ biết cùng nhau làm hết nhân-lực, còn việc thiên-mệnh về sau thế nào, không kể đến vội.

Đoạn, dạy qua hồi Đặng-vĩnh Ung và Tăng-vô Ngại:

— Công cuộc phòng-thủ, hai ông sắp đặt mấy hôm nay, tất đã hoàn-thành cả rồi?

— Vâng, có thể gọi là hoàn-thành; Tăng-vô Ngại đáp. Hiện tôi đang ếp quân-sĩ đào những hầm đất ở giữa thành, làm chỗ cất

thuốc súng cho kín đáo, thần-công bên địch ở ngoài nã vào cũng không sợ bị rút ro thiếu hụt.

— Tiên-sinh trả-liệu chu-đáo hể là phải lắm; Khôi gật đầu và nói. Còn quân-sĩ giữ đồn ở mây nơi, nếu đề họ ở bên ngoài sẽ là chơ vơ cô-lập, tất bị kẻ địch tóm được, chỉ bằng cho gọi cả về, hợp lực thủ thành, như rết thêm chân, càng nhiều càng tốt.

— Tôi đã tiên-liệu sự đó rồi, đại-nguyên-soi khui lo; Đặng-vĩnh Ung trả lời. Sáng nay đã cho nỏ-bại đi các nơi triệu về, nội đem nỏ chắc họ đến nơi.

— Số ấy hiện còn độ bao nhiêu?

— Tính gia - gian cho là một nghìn.

— Còn quân lưu-trữ trong thành?

— Vừa đúng sáu trăm.

— Thôi! Một nghìn sáu trăm, hợp với quân bản-bộ tôi vừa đem về hai nghìn, cộng lại tất cả là ba nghìn sáu. Binh triều chắc là đông vô kể. Tăng tiên-sinh có thể ước lượng binh-lực chúng nó độ bao nhiêu không?

— Có, tôi đã thám-thình mà biết được thực-số; Tăng-vô Ngại trả lời. Kể cả ba đạo lính bộ của Nguyễn-văn Trọng, Trương-minh Giảng, Tống-phúc Lương, có một vạn bảy nghìn người; thêm ba nghìn thủy-sư Trần-văn Năng nữa là hai vạn cả thủy.

Nghe nói số quân Huê đông như thế, nhiều tướng có vẻ giật mình, nhìn nhau biến sắc, Tăng biên ý, vội vàng nói tiếp:

— Tuy thế, phần nhiều không phải là quân thiện-chiến; trừ ra dăm nghìn lính kinh-kỹ, còn thì toàn-thị mới đi, buồng tay cây bừa vò lấy gươm giáo, chưa từng trải chiến-trận gì.

Các tướng yên tâm, sắc mặt tươi lại.

Trước sau, Khôi vẫn thản-nhiên:

— Họ những hai vạn, chúng ta có hơn ba nghìn, nghĩa là lấy một chọi sáu. Ta lợi ở chỗ thủ-hiêm. Có địch không biết hơn ba nghìn ấy có phải trung-thành cầm-tử cả chăng? Theo ý Tăng tiên-sinh xem xét quân-tám ra thế nào? Tôi không sợ chết, không ngại sự chiến đấu chỉ e trong số binh lính chúng ta sinh tử quan-hệ với thành trì này, rồi có dăm ba đứa như thắng Thái-công-Triều cũng đủ nguy-hiêm. Thật thật, tôi như « k'nh-chung chi diên » sợ làn cây cong; đã một lần đại đột qua trận thắng Triều, hân vương phải lằm lổ đến lần thứ hai...

Khôi chưa nói hết, Tăng gạt đi:

— Đại-nguyên-soái giờ biết thận-trọng lo xa như vậy, thật là có phúc cho nghĩa-quân chúng ta. Như g không nên đa nghi đề cho lòng quân chán nản. Kể nào có về gian tà, hèn nhát, chúng tôi đã thầy đi rồi, lựa lọc còn lại, toàn là bầy nghĩa-khí, có thể cùng ta sinh - tử. Hơn ba nghìn chiến-sĩ ấy; phần là Hồi-lương, tức là thân - binh đồng-chi của chúng ta; phần là dân có đạo, nghĩa là những người ác - cảm với

triều đình; như thế tướng quân còn phải lo ngại gì nữa.

Hàng thái đứng phất dậy, trước hết Khôi vòng tay cả Tăng rồi vỗ trên thanh gươm mà nói:

— Đa tạ tiên-sinh chỉ rõ điều lợi hại. Với số chiến-sĩ ấy, tôi thế cùng chư tướng sống mái còn mất... Chúng ta hơn ba nghìn, nhưng chấp cả chúng nó hai vạn!

Tăng nói tiếp:

— Có địch nên lo, à vấn đề lương thực; bề nào quân Huê cũng tìm cách đoạn tuyệt lương-dạo của ta...

Nếu nói lương-thực, Khôi nhìn Nguyễn-



Kiến và nói:

— Việc này trách-nhiệm ở ông Hồ-thành đề-dốc. Thế nào, mấy hôm nay quân ta mua thuốc những gì? Trước hết là thuốc gạo?

— Trong kho ta hiện có 7 vạn thùng vừa lúa vừa gạo, và vẫn còn mua thêm, Nguyễn-Kiều đáp.

— Muối có bao nhiêu?

— Hơn sáu nghìn thùng.

— Phải có gà vịt trâu bò, thì khó cá mực, để nuôi quân-sĩ có ăn sung sướng no đủ, mới lên thành cự giặc được chứ! Khỏi vừa nói vừa cười. Nếu chỉ cơm chấm muối, thì tội chịu thôi.

— Có, những thứ ấy đều có mua trữ mới mơn mĩ nhiên, nhưng còn l nh tính chưa tính được. Nhiều người lại nghiêng hạo chỗ gạo đến tặng quân ta, không thêm bán chác gì cả.

— Ôi! nhân-tâm quý-hóa nhĩ! Còn thuốc đạn thế nào?

— Có sẵn rồi đây, mời nguyên-soái xem; Nguyễn-Kiều nói và cầm sổ trao cho Khôi. Chẳng gì, hiện-diện trong quân cũng có hơn 6 vạn cần thuốc súng và một nghìn viên đạn thần-công. Lúc này Táng quân-sự mới đào hầm để cất thuốc súng cho kín, là phải.

Khôi cầm sổ xem, thấy quân-nhu vật-dụng biên chép đầy năm sáu trang giấy, món nào cũng kê hàng nghìn trở lên, trong bụng rất mừng:

— Thế này thì quân-dân trong thành Phiên-an ta có thể yên ổn phong-tục được mấy tháng, để chờ cơ-hội phản-công và ngoại-viên tới kịp.

— Có thiếu thốn cần dùng món gì cũng không lo! Nguyễn-Kiều nói. Tôi đã ước định với những dân đạo ở ngoài thành, sẽ thừa đêm tối do đường thủy Kinh-dôi tiếp tế các thực vào thành cho chúng ta.

(còn nữa)

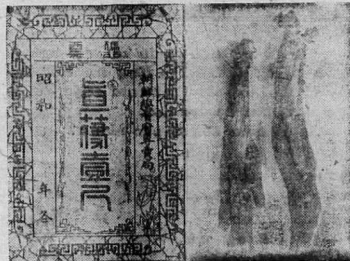
HỒNG-PHONG

Thống-Chế EYAUTEV đã nói: « Ta là một sinh vật chỉ ưa hoạt động ». Chúng ta nên theo gương ngài.

SÀM CAO-LY

là vị thuốc bổ rất quý

AI muốn mạnh khỏe và sống lâu — phải tìm cho được thứ sâm cao-ly chính hiệu mà dùng. Sâm này chỉ có bán độc quyền tại TÔNG - ĐỐC PHÚ CAO - LY



Xin nhận cho kỹ giấy dán Hai chai sâm Cao ly chính hiệu hiện dán trên hộp sâm

ĐẠI-LÝ ĐỘC QUYỀN:

MITSUI BUSSAN KAISHA LTD HANOI

30 oct. 1943 Hàn Thuyên phát hành



NGÔ HẸM

tiên thuyết
phóng sự

của NG. ĐÌNH LẬP

TỦ SÁCH TÂN VĂN HÓA

ĐÃ CÓ BẢN:

Triết học là gì?

của Nghiêm Tử — 2\$50

SÁP CÓ BẢN:

Luân - lý thực - nghiệp

của Lê văn SIEU

Hàn Thuyên, 71 Tiên Tsin
HANOI

CAI A - PHIÊN

Thuốc Tở - Nhọt - Khử độc Tân Hoa

số 46, giá 1p và nhỏ 3p50 và lớn

Ve nhỏ 1p00 uống từng ngày chỉ bán tại nhà thuốc hoặc các đại-lý để các ông không cần tiền mua luôn một lúc, còn các ông ở tỉnh xa, chỉ nhận gửi theo cách lưah hóa giao ngân, nghiêm nặng 7p00, nghiêm nhẹ 3p00 (để khỏi cái dở dang m nết thuốc). Sâm nhung tuyết cân 1p50. Thương thuốc tuyết cân 0p25 và phải trả 1/3 t ền trước ngân phiếu để tên M. Ngô-vi-VB Việt-Long 58 Hàng Bè Hanoi.

Cần thêm rất nhiều đại-lý tại khắp Trung, Nam, Bắc xin viết thư về thương lượng

Cách cái phiên vi lệ riêng không được vậy muốn biết cặn kẽ, xin gửi về 0p07 (mà có) kèm tiền gửi về cơ quan catalogue báo, giấy ngời: 100 trang, nói các bệnh từ từ từ mới viết, cái a - phiên, bệnh lo ngứa và các tác thuốc Nhất-hóa



Anh - Lữ

58 - Route de Hué - HANOI

Giấy dép, quốc tân-thời v.v...

Teon già (lễ, kiểu đẹp, hợp thời giá phải chăng. (Cà catalogue kinh bán). Bán buôn và bán lẻ khắp mọi nơi.

AI cũng có thể tự chữa lấy bệnh và trở nên danh - y

là nhờ có các sách thuốc của

gà Nguyễn-an-Nhân bằng

Quốc-ngữ có cả chữ Hán

1) Sách thuốc chữa đau, số 2p50

2) Sách thuốc chữa đau mắt 2p50

3) Sách thuốc gia - truyền K.N. 2p50

4) Sách thuốc kinh nghiệm 3p00

5) Y-học Tổng-thư (tứ lần thứ tư) 1p

6) Sách thuốc Nhất-hóa T. H. 3p00

7) Bìah-Dân (p3), Gián-tiền-phương 0p50

8) Sách thuốc đề phòng và chữa thương 5p00.

10) Sách t ước Hải-thương Lan 2p00

Ở xa gửi mua thêm cước. Thư, mandat để cho nhà xuất-bản.

NHẬT-NAM THƯ-QUÁN HANOI

AI MUỐN DÙNG THUỐC BỔ CƯỜNG TÂM THUỐC

sâm nhung bách bồ

Hồng - Khê

75 Hàng Bè Hanoi. Mỗi hộp 1\$20

SÁCH MỚI

BEETHOVEN

của JIEN KIỀU

Giá 0\$70

BÓN XEM

SỔ KHAI TRƯỜNG

ra ngày 14-9-43

của NHI ĐỒNG HÒA BẢN

tờ báo gạo - dự trữ em xứng đáng nhất. bán đầu từ số 36

« Cao bộ giới dạy » thêm nhiều mục vụ, là

SÁP PHÁT HÀNH

GIỚI SƯNG HOA

Giá 3p, của Phạm văn HẠNH

LƯU LỬA VÀNG

49, rue Tiên Tsin Hanoi

PHỤ NỮ VỚI GIA-ĐÌNH

Đặng Kim 2p50

PHỤ NỮ VỚI HÔN NHÂN

Viên Bìn 1p50

MUON HỌC GIỎI

Tan Pít 1p00

Một nền giáo-dục

Việt-Nam mới

Trái Phi 1p20

THÀNH NIÊN KHỎE

Đền văn Kim p. 1p00

SÔNG GIÓ ĐỒNG CHÂU

Trái trường 2p00

ĐỜI MỚI 62 lakou Hanoi

Chi nhánh

Nam - Kỳ và Trung-Kỳ

Phong thuốc

chữa phổi

(15 Badaux Hanoi Tới 1630)

Tổng phát hành: 163 Lagrèndière SAIGON

HUẾ Nam - Hải. 147 Paul Bert

Cao họ lao lóp chữa các bệnh

lao có trùng ở phổi. Trừ lao

thành dịch 4p ngân ngừa các

bệnh lao sắp phát. Sinh phé

mac cao 2p, chữa các bệnh phổi

có vết thương và vết đen. Sát

phé trùng 2p nhuận phổi và sát

trùng phổi. Các thuốc bổ phé

kiếm bổ thân 1p50 và ngữ trừ

lao 1p. Để rút hợp bệnh.

Có nhiều sách thuốc chữa

phổi và sách bị thử nói và

bệnh lao biểu không. Hồi xin ở

tổng cục và các nơi chi nhánh.

AI cần BÁN và MUA

hàng hoa gì?

Xin hãy giao thiệp với Tam-

da et Cie, một hãng buôn tín

nhiệm xứng đáng để các ngài

tin cậy, có nhiều comradore

chuyên việc HÂN và MUA giúp

các ngài những thứ hàng hóa,

nguyên liệu v.v...

Muốn được mua chúng và

khởi họ, mỗi khi mua bán thứ

gì, xin các ngài có đến Tamda

et Cie, 72, rue Wiéle Hanoi,

các ngài sẽ được hải lòng.

PRINCESSE

MAY AO CƯỚI

24 A, LÊ QUÝ HÔN - HANOI

Autographe (publication créée antérieure-

ment à la loi du 13 Décembre 1941)

Ed. Modemadaire du Trung-Bac Tân-Van N

Imprimé chez Trung-Bac Tân-Van N

36, Bt. Henri d'Orléans Hanoi

Certifié par le Tribunal

Thirage & 100 exemplaires

L'Administrateur Général 19-4 VUONG